

Đông Công Cứu Chuộc

I: Thịnh Nguyễn Thư

Từ thập niên 50 của thế kỷ trước, người ta đã nghe nói tới tước hiệu đông công cứu chuộc của Đức Mẹ. Và ở Việt-Nam, chúng ta đã thấy xuất hiện một dòng tu nổi tiếng mang danh hiệu này.

Công Đồng Vatican II, khi nói về Đức Mẹ, đã không dành trọn một sơ đồ, mà đặt Đức Mẹ vào chung một sơ đồ về Giáo Hội. Điều này khiến một số người đồ đoán là Công Đồng đã chính thức giảm nhẹ vị trí của Đức Mẹ trong lòng sùng kính chính thức của Giáo Hội. Nhưng dù sự giải thích đó có đúng đi chăng nữa, thì lòng sùng kính đối với Mẹ Thiên Chúa trong lòng tín hữu vẫn không có gì thay đổi. Luật cầu là luật tin vẫn là một chân lý không thay đổi trong truyền thống hai ngàn năm của Thánh Giáo Hội Công Giáo. Nên nếu luật cầu không thay đổi thì luật tin cũng không thay đổi.

Cuối thế kỷ 20, một số người Công Giáo đã khẩn khoản thỉnh cầu Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II tuyên bố một cách vô ngộ Đức Mẹ là Đấng Đồng Công Chuộc Tội. Năm 1985, trong một số diễn văn, Đức Giáo Hoàng Phaolô II đã sử dụng tước hiệu này để nói về Đức Mẹ. Tại Guayaquil, Ecuador, Ngài nói: “Vì Người đặc biệt gần gũi thánh giá Con của Người, nên Người cũng có một cảm nghiệm đầy đặc ân về sự Phục Sinh của người Con ấy. Thực vậy, vai trò **Đông Công Cứu Chuộc** của Người không chấm dứt với cuộc hiển vinh của Con mình”. Trước đó, ngày 8 tháng Chín năm 1982, khi chào đón các bệnh nhân trong một buổi triều yết chung, Ngài nói: “Mẹ Maria, dù được tượng thai và sinh ra không bị tì vết tội lỗi, nhưng đã dự phần cách kỳ diệu vào cuộc thống khổ của Con Trai thần thánh mình, ngõ hầu trở nên **Đấng Đồng Công Cứu Chuộc** của nhân loại”.

Đầu thập niên 1990, Giáo Sư Mark Miravalle của Trường Đại Học Phanxicô tại Steubenville ở Hoa Kỳ có phát động một chiến dịch xin chữ ký để thỉnh cầu Đức Giáo Hoàng Phaolô II chính thức công bố tín điều Đồng Công Cứu Chuộc. Hơn sáu triệu chữ ký đã thu được từ 148 quốc gia, gồm cả chữ ký của Mẹ Têrêxa thành Calcutta, của Đức Hồng Y John O'Connor, Tổng Giám Mục New York, của 41 vị hồng y khác và của 550 vị giám mục khắp năm châu. Tuy nhiên, một tín điều như thế vẫn chưa được chính thức công bố.

Năm 2005, tại Fatima, 5 vị hồng y đã đồng bảo trợ một hội nghị quốc tế chuyên bàn về tước hiệu Đồng Công Cứu Chuộc này. Hội nghị sau đó đã đệ lên đức Bênêđictô XVI một thỉnh nguyện thư, xin Đức Giáo Hoàng long trọng công bố Đức Mẹ là “Mẹ thiêng liêng của toàn thể nhân loại, đồng công với Chúa Giêsu Cứu Chuộc, đáng trung gian mọi ơn phúc với Chúa Giêsu là Đấng Trung Gian duy nhất, đáng bào chữa với Chúa Giêsu Kitô nhân danh nhân loại”. Trong số 5 vị hồng y này, có Đức Hồng Y Luis Aponte Martinez, tổng giám mục (hưu) của San Juan, Porto Rico và Đức Hồng Y Telesphore Toppo, tổng giám mục Ranchi, Ấn Độ.

Không Mới Lạ



Đức Mẹ Guadalupe

Trong cuộc phỏng vấn do Zenit thực hiện ngày 18 tháng Ba năm nay tại San Juan, Puerto Rico, Đức Hồng Y Martinez cho rằng công bố tước hiệu này, ta không nói gì mới thêm về Đức Mẹ mà chỉ là giải thích rõ vai trò của ngài trong chương trình cứu rỗi mà thôi.

Đức Hồng Y cho hay năm 2002, tại Rome, ngài có trực tiếp trình bày với Đức Gioan Phaolô II tầm quan trọng của tín điều trên trước mặt nhiều vị hồng y khác. Theo ngài, việc công bố này mật thiết liên hệ với việc tân phúc âm hóa của Giáo Hội, nhất là tại Châu Mỹ Latinh, nơi việc phúc âm hóa lần đầu vốn đã được Đức Mẹ Guadalupe hướng dẫn, thì lần này hẳn cũng sẽ thành công rực rỡ nếu được Mẹ Chúa Kitô lãnh đạo.

Việc long trọng định nghĩa các vai trò hiện mẫu của Đức Mẹ, như là đáng đồng công cứu chuộc, đáng trung gian, và đáng bào chữa càng làm Đức Mẹ thi hành nhiều hơn các chức năng hiện mẫu trên để cầu bầu cho thời đại ta đạt được hiệu năng tối đa trong việc tân phúc âm hóa.

Đức Hồng Y cũng cho hay: trọn bộ nội dung công bố này thực ra đã có từ ngàn xưa, và sẵn có ngay trong học thuyết chính thức của Giáo Hội rồi, chỉ cần mở lại Hiến Chế Lumen Gentium, số 57, 58, 61 và 62. Ngoài ra, nó vốn là giáo huấn cố cựu của các vị giáo hoàng trong nhiều thế kỷ. Gần đây nhất, Đức Gioan Phaolô II đã xưng tụng Đức Maria là đáng đồng công cứu chuộc 6 lần trong suốt triều đại giáo hoàng của ngài. Tất nhiên, vai trò này lúc nào cũng được hiểu như là tùy thuộc hoàn toàn vào Chúa Giêsu, và chỉ như một con người nhân bản tham dự với Chúa Cứu Thế trong công trình cứu chuộc mà thôi.

Tuy không có gì mới lạ, nhưng theo Đức Hồng Y, một công bố có tính tín điều sẽ mang thêm ánh sáng và trân quý hơn đối với học lý, khiến nó hoàn hảo hơn, như chính giải thích của Chân Phúc Giáo Hoàng Piô IX khi cho công bố tín điều Đức Mẹ Vô Nhiễm Thai năm 1854.

Người Bình Dân

Ngoài ra, các chức năng đồng công cứu chuộc, trung gian và bào chữa bên trong vai trò tổng quát làm mẹ thiêng liêng cũng không có gì khó hiểu đối với người bình dân. Theo Đức Hồng Y, người tín hữu ở Châu Mỹ La-tinh chẳng hạn, không những hiểu học lý này trong tâm hồn mà còn cảm nghiệm được các vai tồng đó của Đức Mẹ trong chính cuộc sống họ. Một lần nữa, Đức Mẹ Guadalupe là hiện thân của các vai tồng này một cách hết sức năng động trong vai trò một người mẹ từng chịu đau khổ với Chúa Giêsu cho chúng ta, một người mẹ đến để nuôi dưỡng chúng ta bằng ơn thánh của Chúa Giêsu, và một người mẹ luôn cầu bầu cho chúng ta khi khốn khó. Đó là đáng đồng công cứu chuộc, đáng trung gian và đáng bào chữa, chứ còn ai đây!

Đức Gioan Phaolô II đã nói một cách hết sức sáng sủa về việc Đức Mẹ làm trung gian nhân danh chức phận làm mẹ của mình bằng cách sử dụng thuật ngữ “Trung Gian Hiền Mẫu” (maternal mediation). Còn gì thông thường và dễ hiểu hơn một bà mẹ chịu đau khổ, nuôi dưỡng và khẩn cầu cho con cái mình? Mà đó lại chính là điều Đức Mẹ làm cho ta trong tư cách người mẹ thiêng liêng của ta. Đó quả là điều hết sức đơn giản và là một phần trong cảm nghiệm hàng ngày của các tín hữu Công Giáo. Điều đối với một số học giả xem ra khó chấp nhận thì lại đã được tỏ lộ cho những người chất phác nhỏ nhoi và đã được Giáo Hội tiếp nhận từ lâu.

Đại Kết

Nhưng đối với sứ mệnh đại kết hết sức tế nhị của Giáo Hội thì sao? Tín điều này có thể góp phần gây trở ngại gì chăng? Đức Hồng Y Martinez cho hay theo bản tính và ơn gọi, các bà mẹ luôn là người kết hiệp các gia đình. Mẹ Chúa Giêsu trong gia đình Chúa Giêsu cũng thế thôi. Sứ mệnh đại kết của Giáo Hội hết sức quan trọng, nhưng nếu loại Đức Mẹ ra ngoài, ta chỉ tỏ làm chậm bước tiến của ta hướng tới hiệp nhất Kitô Giáo trong nhiệm thể Chúa Kitô.

Đức Gioan Phaolô II đã nói rõ trong thông điệp đại kết của ngài, tựa là “Ut Unum Sint”, rằng hoạt động đại kết đúng nghĩa của Công Giáo không bao giờ có nghĩa là ta phải thỏa hiệp học thuyết Công Giáo cũng như làm trở ngại việc phát triển học lý chân chính, trong đó có các học lý liên quan đến Đức Mẹ.

Việc long trọng xác định chức phận làm mẹ thiêng liêng của Đức Mẹ thực ra sẽ là bước nhảy vọt trong phong trào đại kết, vì việc này sẽ minh nhiên phân biệt điều được Giáo Hội dứt khoát truyền dạy: tức việc Đức Maria không phải là một nữ thần, Giáo Hội Công Giáo không xếp Đức Mẹ lên bình diện ngang hàng với Chúa Giêsu, con thần thánh của Người, trái lại Người chỉ là một con người nhân bản tham dự vào hành động cứu chuộc có tính lịch sử một cách tuyệt đối và hoàn toàn tùy thuộc vào Chúa Giêsu. Điều ấy sẽ khai quang được rất nhiều các hiểu lầm vốn có xưa nay nơi anh chị em Kitô hữu không phải là Công Giáo, dẫn đến một đối thoại và hiệp nhất lớn lao hơn liên quan tới mẹ Chúa Giêsu bên trong nhiệm thể của Người. Đây mới là đại kết thực sự theo cái nhìn Công Giáo.

Trước ngày quyết định công bố tín điều Hồn Xác Lên Trời vào năm 1950, người ta cũng nêu cùng một phản chứng như thế liên quan đến đại kết với Đức Piô XII. Sau khi công bố tín điều ấy, Giáo Hội đã cảm nghiệm được một tiến bộ vĩ đại nhất cho tới lúc đó về đại kết, dẫn đến Công Đồng Vatican II.

Đức Maria là Mẹ phong trào đại kết, Mẹ của hiệp nhất, chứ không phải là một trở ngại. Ta hãy dành cho Người cơ hội để Người hiệp nhất chúng ta theo cách chỉ có một bà mẹ có thể làm được, bằng cách công khai và hãnh diện công bố các vai trò hiền mẫu của Người trong việc cầu bầu cho chúng ta. Nếu ta biết long trọng kêu mời Người cầu bầu cho, thì sứ mệnh hiệp nhất Kitô giáo sẽ được thăng tiến xiết

bao.

Phản Ứng

Thông tấn xã Zenit, ngày 5 tháng Năm năm 2008, đã phỏng vấn Đức Hồng Y Telesphore Toppo về phản ứng trong Giáo Hội đối với cuộc vận động gần đây của ngài liên quan đến tín điều trên. Được biết, gần đây, Đức Hồng Y Toppo, cùng với 4 vị hồng y kia, có gửi cho các vị hồng y và giám mục khắp thế giới một lá thư, mời gọi các ngài tham gia vào thỉnh nguyện thư xin Đức Bênêđictô tuyên bố tín điều Đồng Công Cứu Chuộc.

Ngài cho hay mặc dù đa số các vị hồng y và giám mục trực tiếp gửi thư cho Đức Thánh Cha để ủng hộ công bố này, nhưng ngài cũng nhận được khá nhiều thư trả lời rất khích lệ. Nhiều thư nói đến nhu cầu phải có tín điều này và sự cầu bầu lớn nhất của Đức Mẹ đối với hoàn cảnh nhiều nhương hiện nay trên thế giới, kể cả chiến tranh và khủng bố, bách hại tôn giáo, sa đọa luân thường, gia đình tan vỡ và cả các thiên tai nữa.

Một cách tổng quát, các thư của các hồng y và giám mục khắp thế giới đều nhất trí rằng nay đã đến lúc cần một tín điều mới về Đức Mẹ làm liều thuốc chữa các khó khăn độc đáo đang đe dọa thế giới. Như Người từng làm ở Phòng Trên Lầu và trong Giáo Hội sơ khai xưa, Đức Mẹ có thể cầu bầu mà không một ai khác có thể cầu bầu được để Chúa Thánh Thần tuôn đổ ơn thánh, sự bình an và che chở mới mẻ cho Giáo Hội và thế giới.

Đức Hồng Y Toppo cũng cho hay ngày 3 tháng Sáu năm 2006, ngài có gặp Đức Bênêđictô XVI trong một buổi yết kiến riêng, trong đó, ngài trình lên Đức Thánh Cha bản đúc kết các bài thuyết trình thần học của Hội Nghị Thánh Mẫu năm 2005 tại Fatima liên quan tới tước hiệu đồng công cứu chuộc của Đức Mẹ. Ngài cũng trình lên Đức Thánh Cha bản thỉnh nguyện thư xin Đức Thánh Cha long trọng lấy quyền giáo hoàng xác định Đức Mẹ là mẹ thiêng liêng của mọi người, là đáng đồng công cứu chuộc, đáng trung gian mọi ơn thánh và là đáng bào chữa. Bản thỉnh nguyện này đến lúc đó đã được chữ ký của rất nhiều hồng y và giám mục trên thế giới.

Trong buổi yết kiến kéo dài 15 phút ấy, Đức Thánh Cha tỏ ra hết sức quan tâm đến các tài liệu đệ trình. Đức Thánh Cha tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy số đông các hồng y và giám mục đã ký vào bản thỉnh nguyện. Trong ít tháng gần đây, Đức Thánh Cha còn nhận được thêm nhiều thư nữa của các hồng y và giám mục thế giới ủng hộ tín điều nói trên.

Á Châu



Đức Mẹ Ấn Độ

Nói đến phản ứng đại kết và liên tôn, cũng như Đức Hồng Y Martinez, Đức Hồng Y Toppo cho hay việc xác định này sẽ giúp các bên đối thoại hiểu đúng đắn các điều căn bản trong giáo huấn Công Giáo. Tước hiệu đồng công cứu chuộc là cơ hội để ta trình bày học thuyết của chúng ta liên quan đến Đấng Cứu Chuộc và mầu nhiệm cứu chuộc, quyền tối thượng trong sáng kiến Thiên Chúa, và vai trò tuyệt đối không thể đua tranh được nơi tính duy nhất của Chúa Giêsu như là Đấng Cứu Chuộc Thần Linh.

Chân lý liên quan đến việc cứu chuộc này phải được bỏ túi bằng nhu cầu không thể thiếu đòi phải có sự hợp tác của con người thụ hưởng. Con người tự mình phạm tội được, nhưng không tự cứu chuộc được mình. Nói cách khác, đòi phải có sự hợp tác, đối với mỗi người tùy theo kế hoạch đã được Thiên Chúa tự ý phác thảo và chọn lựa. Như thế, ta có thể giúp các bạn đối thoại của ta hiểu nhiều điều về Đức Maria: việc ngài hợp tác bằng một lòng suy phục kế hoạch của Thiên Chúa, dẫn ngài trở thành Mẹ Chúa Giêsu; sự gần gũi với Chúa Giêsu ở lúc chịu đóng đinh như đấng đồng công cứu chuộc; việc ngài bào chữa cầu bầu và gây ảnh hưởng với Chúa Giêsu cho ta; việc ngài là Mẹ Giáo Hội, Nữ Vương Thiên Đàng, và Đấng Trung Gian mọi ơn phúc.

Sự hợp tác của Đức Mẹ giúp mọi Kitô hữu và cả người không phải là Kitô hữu hiểu được sự hợp tác cần có nơi ta với Chúa Giêsu và với ơn thánh của Người để được cứu rỗi. Đức Hồng Y Toppo tin chắc các Kitô hữu không phải Công Giáo hiện đang đối thoại với chúng ta sẽ hoặc là thấy tin điều này có thể chấp nhận được hoặc là không có luận điểm nào có giá trị và có tính thuyết phục chống lại tin điều này.

Ngài kể lại năm 1890, một bé gái thuộc phái Luthêrô tại Ranchi, tên Ruth Kispotta, khi khám phá ra người Công Giáo không tôn thờ Đức Mẹ như một vị thần, dù họ có tôn kính ngài trong tư cách là mẹ Chúa Giêsu, nên đã trở lại Công Giáo và lập ra tu hội bản xứ đầu tiên gọi là Nữ Tử Thánh An-nê, ngay tại Ranchi.

Người không theo Kitô giáo cũng sẵn sàng hiểu quan điểm của chúng ta trong vấn đề này. Đó là lý do khiến rất nhiều người không phải là Kitô hữu đổ xô tới các đền kính Đức Mẹ khắp thế giới, kể cả lục địa bao la Á Châu. Họ cảm thấy được Đức Mẹ lôi kéo vì sự gần gũi của ngài với Chúa Giêsu.

Tại Ấn Độ, có một đền thờ dâng kính “Dhori Ma” tức Đức Bà Hàm Mỏ, căn cứ vào một bức tượng được các thợ mỏ than Ấn giáo ở Dhori khám phá ra. Ngày nay, bức tượng Đức Bà này được hàng chục ngàn người tôn kính: cả Kitô hữu lẫn người Ấn giáo và Hồi giáo. Tất cả đều trân quý Bà Mẹ hết lòng chăm

sóc con cái mình và hoàn toàn nhất mực phục vụ chúng.

Hồi Giáo

Theo Đức Hồng Y Toppo, việc trình bày Đức Maria như đáng đồng công cứu chuộc sẽ rất được tán thưởng trong cuộc đối thoại với Hồi Giáo, vì một lý do giản dị là Đức Mẹ vốn được người Hồi Giáo biết rõ nhờ kinh Kô-răng. Người Hồi Giáo tôn kính Đức Maria như “người phụ nữ vĩ đại nhất” không hề có tội và mãi mãi đồng trinh. Đức Maria là người phụ nữ có phẩm giá cao cả và vai trò cũng như tầm quan trọng của ngài được nhìn nhận trong sách Kô-răng, trong sách Hadith và trong lòng sùng kính của cuộc sống Hồi Giáo hàng ngày.

Đức Hồng Y Toppo không ngần ngại nói rằng Đức Maria xưa nay vẫn là khuôn mẫu thực sự cho cả người Hồi giáo và Kitô giáo. Ngài phải là sự trợ giúp tuyệt diệu trong các cố gắng đối thoại liên tôn của chúng ta. Việc trình bày chính xác Đức Maria như đáng đồng công cứu chuộc sẽ đem lại một ngã đường êm mát cho việc khám phá ra chân lý Công Giáo và khuyến khích mọi người thành tâm cộng tác với các sáng kiến của Thiên Chúa đầy yêu thương và đầy hấp lực mà lòng từ bi thì trải dài hết đời này qua đời nọ.

II: Vox Populi Mariae Mediatrici

Phản trước có nhắc đến việc làm của Giáo Sư Mark Miravalle và chiến dịch xin chữ ký của ông cho một thỉnh nguyện thư đề Đức Giáo Hoàng công bố tín điều Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc. Không những thế, ông còn thành lập ra phong trào gọi là Vox Populi Mariae Mediatrici (Tiếng Dân Của Đức Maria Trung Gian) để cổ vũ cho công việc trên.

Năm 2001, ông cho công bố một tài liệu nhằm trả lời bất phản chứng người ta thường nêu ra để chống lại tín điều này. Các phản chứng này được tạp chí New York Times tổng hợp từ các báo chí khác, nhân dịp họ đề cập đến phong trào của Giáo Sư Mark Miravalle vào ngày 23 tháng Mười Hai năm 2000.

Ngang Hàng Với Chúa Giêsu

Phản chứng đầu tiên là nếu xưng tụng Đức Maria là đáng đồng công cứu chuộc, chẳng hóa ra người ngang hàng với Chúa Giêsu, đáng trung gian duy nhất hay sao?

Theo giáo sư Miravalle, suy nghĩ như trên không đúng. Chữ “đồng” trong “đồng công” không có nghĩa là “bằng nhau”, “ngang nhau”, “cùng một hàng” mà chỉ có nghĩa là “cùng với”, “với”. Thành ra, đáng đồng công cứu chuộc chỉ có nghĩa là “đáng cùng cứu chuộc với”. Quả thật tiền từ “co” trong “co-redemptrix” là do tiếng Latinh “cum” có nghĩa là “cùng với”. Nên “co-redemptrix” khi áp dụng vào Đức Mẹ có ý chỉ sự cộng tác hết sức đặc biệt của Người với và dưới quyền Con thần thánh của Người là Chúa Giêsu Kitô, trong việc cứu chuộc gia đình nhân loại, như đã tỏ hiện trong Thánh Kinh Kitô Giáo.

Với lời “xin vâng” tự ý và tích cực của Đức Maria khi đáp lại lời của thiên thần Gabriel mời Người làm mẹ Chúa Giêsu (Lc 1:38), Người đã hợp tác một cách đặc biệt vào công trình cứu chuộc bằng việc mang lại cho Đáng Cứu Chuộc thần thánh thân xác phàm trần, vốn là dụng cụ để thực hiện công cuộc cứu chuộc loài người. **Thánh Phaolô** trong thư Do Thái từng khẳng nhận: “Ta đã được thánh hóa nhờ việc dâng hiến mình Chúa Giêsu Kitô một lần vĩnh viễn” (Dt 10:10). Nhưng thân xác ấy chỉ có là nhờ sự hợp tác tự ý, tích cực và độc đáo của Đức Maria. Nhờ việc trao ban xác phàm cho “Ngôi Lờì thành xác phàm” (Ga 1:14), Đáng sau đó đã cứu chuộc nhân loại, nên Trinh Nữ Nadarét hết sức xứng đáng tước

hiệu đồng công cứu chuộc. Đúng như lời **Chân Phúc Têrêxa thành Calcutta** từng nói: “Dĩ nhiên, Đức Maria là Đấng Đồng Công chuộc tội, vì Người trao ban thân xác cho Chúa Giêsu, và chính thân xác Chúa Giêsu đã cứu chuộc ta” (1).

Lời tiên tri trong Tân Ước của **Simeon** tại đền thờ cũng cho thấy sứ mệnh đầy đau khổ, có tính đồng cứu chuộc của Đức Maria trong sự hiệp nhất trực tiếp với người Con Cứu Chuộc để cứu chuộc nhân loại: “Simeon chúc phúc cho các ngài và nói với Đức Maria, Mẹ Người rằng: ‘Này đây, hài nhi này sẽ làm có cho nhiều người ở Israel ngã xuống và trở dậy, và sẽ trở nên dấu chỉ mâu thuẫn, và một lưỡi gươm sẽ đâm thấu qua lòng bà’” (Lc 2:34-35).

Nhưng đỉnh cao vai trò đồng công cứu chuộc của Đức Maria dưới quyền Người Con Thần Thánh của mình diễn ra **dưới chân Thánh Giá**, nơi cuộc thống khổ toàn diện của trái tim người mẹ đang kết hiệp một cách đầy vâng phục với cuộc thống khổ của trái tim Chúa Con để làm trọn kế hoạch cứu chuộc của Chúa Cha (xem thư Gl 4:4). Như một quà phúc từ cuộc thống khổ đầy cứu chuộc này, Đấng Cứu Thế bị đóng đinh đã trao Đức Maria làm mẹ thiêng liêng của mọi người: “Này bà, đây là con bà!” Rồi Người nói với môn đệ, ‘này con, đây là mẹ con!’” (Ga 19:27). Như Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II từng mô tả, Đức Maria đã chịu “đóng đinh một cách thiêng liêng với người Con chịu đóng đinh của mình” (2). Cả sau cuộc hoàn tất việc thủ đắc các ơn phúc cứu chuộc tại đồi Calvary, vai trò đồng công cứu chuộc của Đức Maria vẫn tiếp diễn trong việc phân phối các ơn cứu rỗi ấy cho tâm hồn nhân loại.

Các nhà trước tác Kitô giáo và các Giáo Phụ đầu hết của Giáo Hội từng giải thích việc đồng công cứu chuộc của Đức Maria một cách hết sức sâu sắc nhưng cũng rất đơn giản qua khuôn mẫu thân học đầu tiên dưới tước hiệu “Evà Mới”. Trong yếu tính, các vị muốn nói rằng như Evà, “bà mẹ mọi sinh linh” đầu tiên (St 3:20), từng trực tiếp hợp tác với Adam, người cha nhân loại, tạo ra việc mất ơn sủng cho toàn thể nhân loại thế nào, thì Đức Maria, “Evà Mới”, cũng trực tiếp hợp tác với Chúa Giêsu Kitô, Đấng từng được Thánh Phaolô xưng là “Adam Mới” (xem 1Cor 15:45-48), tái tạo lại ơn phúc cho toàn thể nhân loại như vậy. Như lời **Thánh Irênê**, một giáo phụ thuộc thế kỷ thứ hai, “y như Evà, vợ của Adam, lúc ấy còn đồng trinh, đã vì bất tuân mà trở thành nguyên cớ gây chết chóc cho chính mình và toàn thể nhân loại thế nào, thì Đức Maria, tuy đã kết hôn mà vẫn còn đồng trinh, đã nhờ tuân phục mà trở thành nguyên cớ đem lại ơn cứu rỗi cho chính mình và cho toàn thể nhân loại như vậy” (3).

Dưới ánh sáng việc Người hợp tác một cách độc đáo và trực tiếp với Đấng Cứu Chuộc trong việc lập lại ơn thánh cho toàn bộ nhân loại (xem St 3:15), Đức Maria được toàn thể Giáo Hội sơ khai biết đến dưới danh hiệu “Mẹ Mới Của Mọi Sinh Linh” và việc đồng công cứu chuộc trong tư cách dụng cụ của Người đã được tóm tắt một cách tuyệt diệu trong biểu thức ngắn gọn của **Thánh Giêrôm**, một giáo phụ thuộc thế kỷ thứ tư: “Chết qua Evà, sống nhờ Maria” (4).

Nhiều trích dẫn minh nhiên khác trong suốt Truyền Thống Công Giáo cũng đã coi sự hợp tác độc đáo của Đức Maria trong việc cứu chuộc hay “mua lại” nhân loại khỏi ách nô lệ của Satan và tội lỗi cùng với và dưới quyền của Chúa Giêsu Kitô là đồng công cứu chuộc. Thí dụ, **Modestus thành Giêrusalem**, một văn sĩ của Giáo Hội thế kỷ thứ 7, viết rằng nhờ Đức Maria, ta “được cứu chuộc khỏi ách bạo quyền của ma quỷ” (5). **Thánh Gioan Đamátxêno**, thế kỷ thứ 8, chào kính Người: “Kính chào Mẹ, nhờ Mẹ, chúng con được cứu chuộc khỏi con nguyên rủa” (6). **Thánh Bernard thành Clairvaux**, thế kỷ 12, dạy rằng: “nhờ Đức Mẹ, con người được cứu chuộc” (7). Vị Tiến sĩ vĩ đại của dòng Phanxicô, **Thánh Bonaventura**, thế kỷ 13, đã khéo léo tóm lược Truyền Thống Kitô Giáo trong giáo huấn sau đây: “Người phụ nữ kia (tức Evà) đã đưa chúng ta ra khỏi Địa Đàng và bán đứng chúng ta; nhưng người phụ nữ này (tức Maria) đã đưa chúng ta trở lại và đã mua lại chúng ta” (8).

Dù trong tâm trí các giáo phụ và các vị tiền sĩ của Giáo hội, không bao giờ có ý nghĩ là công trình và công phúc cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô lại hoàn toàn và trong căn để tùy thuộc sự hợp tác của Đức Maria, nhưng Truyền thống Kitô giáo tiên khởi không ngần ngại gì mà không giảng dạy rằng việc hợp tác thân mật vô tiền khoáng hậu của người phụ nữ này, tức Đức Maria, trong việc “mua lại” hay cứu chuộc toàn bộ nhân loại khỏi ách nô lệ của Satan. Như nhân loại đã bị một người đàn ông và một người đàn bà bán đứng thế nào, thì Ý Thiên Chúa cũng muốn cho nhân loại được một Người Đàn Ông và một người đàn bà mua lại thế ấy.

Chính vì dựa vào cái nền tảng Kitô giáo phong phú ấy, mà các vị giáo hoàng và các vị thánh của thế kỷ 20 đã dùng tước hiệu Đồng công cứu chuộc để chỉ vai trò độc đáo của Đức Maria trong công trình cứu chuộc con người, điển hình là việc **Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II** đã dùng tước hiệu đồng công cứu chuộc mà gọi Đức Maria đến năm lần trong triều giáo hoàng của ngài (9). Các đức giáo hoàng dùng tước hiệu “Đồng công cứu chuộc” không hề với nghĩa coi Đức Maria là một nữ thần ngang hàng với Chúa Giêsu Kitô cho bằng như cách Thánh Phaolô coi mọi Kitô hữu là “những người cùng làm việc với Thiên Chúa” (1Cor 3:9). Thánh nhân đâu có coi họ là những vị thần ngang hàng với Thiên Chúa duy nhất.

Mọi Kitô hữu đều được gọi cách thích đáng là cộng sự viên hay “đồng công cứu chuộc” với Chúa Giêsu Kitô (xem thư Cl 1:24) trong việc tiếp nhận và hợp tác với ơn thánh cần thiết cho sự cứu chuộc riêng của ta và sự cứu chuộc của người khác, một sự cứu chuộc bản thân có tính chủ quan được công trình cứu chuộc lịch sử có tính khách quan hay việc “mua lại” của Chúa Giêsu Kitô, “Adam Mới”, Đấng Cứu Chuộc, và Đức Maria, “Evà Mới”, Đấng Đồng Công Cứu Chuộc mang lại.

Đại Kết Kitô Giáo

Phản chứng thứ hai cho rằng xưng tụng Đức Maria là đấng đồng công cứu chuộc là đi ngược lại phong trào Đại Kết, dẫn đến chia rẽ trầm trọng giữa Công Giáo và các hệ phái Kitô giáo khác.

Giáo sư Mark Miravalle cho rằng đây có lẽ là phản chứng thông thường nhất chống lại việc dùng tước hiệu đồng công cứu chuộc, chứ đừng nói đến việc công bố một tín điều về tước hiệu ấy. Tưởng nên sét xem thế nào là đại kết chân chính.

Trong thông điệp “**Ut Unum Sint**” (xin cho chúng nên một) (Ga 17:21), Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã định nghĩa phong trào đại kết Kitô giáo đích thực bằng các hạn từ cầu nguyện như “là linh hồn” và đối thoại như là “thân xác” cùng làm việc hướng tới mục tiêu tối hậu là hiệp nhất Kitô giáo một cách chân thực và bền bỉ (10). Đồng thời, sự thúc bách Công Giáo đòi ta làm việc và cố gắng đạt hiệp nhất Kitô giáo không hề cho phép ta giảm thiểu hay phá hoại bất cứ giáo huấn học lý nào của Công Giáo, bởi những việc như thế vừa thiếu tính toàn vẹn Công Giáo mà đồng thời còn dẫn cuộc đối thoại với các Kitô hữu không Công Giáo ra ngoài các điều Giáo Hội Công Giáo thực sự tin.

Như **Công Đồng Vatican II** đã dạy một cách rõ rệt về cuộc đối thoại đại kết, “dĩ nhiên, điều thiết yếu là học lý phải được trình bày rõ ràng trong tính toàn bộ của nó. Không gì xa lạ với tinh thần đại kết bằng phương thức giảng hòa giả tạo, một phương thức phá hoại sự tinh ròng của học lý Công Giáo và che khuất ý nghĩa chân thực chắc chắn của nó” (11).

Đức Gioan Phaolô II còn giải thích thêm: “Nói về việc nghiên cứu các phạm vi bất đồng, Công Đồng đòi hỏi toàn bộ học lý phải được trình bày một cách rõ ràng. Đồng thời, Công Đồng cũng yêu cầu rằng cách thể và phương pháp trình bày đức tin Công Giáo không được cản trở cuộc đối thoại với các anh chị em của chúng ta... Dĩ nhiên, việc hiệp thông trọn vẹn phải xảy ra qua sự chấp nhận toàn bộ chân lý qua đó

Chúa Thánh Thần hướng dẫn các môn đệ của Chúa Kitô. Do đó, mọi hình thức của chủ nghĩa giảm thiểu hay ‘nhất trí’ giả tạo cần được tuyệt đối xa lánh” (12).

Như thế cái hiểu chính xác về đại kết theo quan điểm Công Giáo là lệnh truyền chủ yếu đòi Giáo Hội phải cầu nguyện, phải đối thoại, và cùng làm việc trong bác ái và trong chân lý để kiếm tìm sự hiệp nhất Kitô giáo đích thực giữa mọi anh chị em trong Chúa Kitô, mà không thỏa hiệp khi phải trình bày các giáo huấn học lý đầy đủ của Giáo Hội. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, người tha thiết với sự hiệp nhất Kitô giáo chân thực, cũng đã khẳng định rằng:

“Sự hiệp nhất được Thiên Chúa ước muốn chỉ có thể đạt được bằng cách gắn bó với mọi nội dung của đức tin mạc khải trong tính toàn vẹn của nó. Trong các vấn đề đức tin, thỏa hiệp là mâu thuẫn với Thiên Chúa, Đấng vốn là chân lý. Trong Nhiệm Thể Chúa Kitô, đấng “là đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14:6), ai dám coi là hợp pháp việc hòa giải mà lại làm hại đến chân lý cho được?” (13).

Giờ đây, ta hãy áp dụng cái hiểu về đại kết nói trên vào vấn đề Đức Maria là đấng đồng công cứu chuộc. Tước hiệu đồng công cứu chuộc dành cho Đức Maria này đã được giáo huấn giáo hoàng nhiều lần nhắc đến, và học lý về việc đồng công cứu chuộc của Đức Maria hiểu như sự hợp tác độc đáo của Người với Chúa Giêsu Kitô và dưới quyền của Chúa Giêsu Kitô trong công trình cứu chuộc nhân loại đã góp phần tạo nên giáo huấn học lý được lập đi lập lại nhiều lần của Công Đồng Vatican II:

... Trong tư cách nữ tỳ Thiên Chúa, Người hoàn toàn hiến mình cho con người và công việc của Con mình, dưới quyền và cùng với người Con ấy, Người phục vụ mầu nhiệm cứu chuộc, nhờ ơn thánh của Thiên Chúa Toàn Năng. Do đó, các giáo phụ đã chính xác coi Đức Mẹ không chỉ được Thiên Chúa đính kết cách thụ động, mà như người tự ý hợp tác vào công trình cứu chuộc con người bằng đức tin và đức vâng lời (14).

Xa hơn chút nữa, Công Đồng cho hay:

... Như thế, Đức Trinh Nữ Diễm Phúc tiên triên trên hành trình đức tin của Người, và trung thành kiên vững trong hiệp nhất với Con của Người cho đến tận thập giá, nơi, theo đúng kế hoạch của Thiên Chúa, Người đứng cùng chịu với người Con duy nhất do mình sinh ra cái cường độ trong cơn thống khổ của người Con, tự liên kết mình với hy lễ của người Con ấy bằng trái tim của một người mẹ, và âu yếm chấp nhận sự dâng hiến hy lễ vốn từ Người sinh ra” (15).

Công Đồng còn thêm:

“Người thụ thai, sinh hạ và dưỡng nuôi Chúa Kitô, Người dâng Con cho Chúa Cha trong đền thờ, cùng chia sẻ sự thống khổ của Con mình khi người Con ấy chết trên thập giá. Như thế, một cách hết sức độc đáo, bằng đức vâng lời, đức tin, đức cậy và đức mến bùng cháy, Người đã hợp tác vào công trình của Chúa Cứu Thế trong việc tái lập sự sống siêu nhiên cho các linh hồn. Vì lý do đó, Người là mẹ của chúng ta trong trật tự ơn thánh” (16).

Bởi thế, rõ ràng việc đồng công cứu chuộc của Đức Mẹ đã làm nên giáo huấn học lý của Giáo Hội Công Giáo và trong tư cách ấy đã được trình bày trong bất cứ tuyên bố chân thực nào về giáo huấn Công Giáo, kể cả trong lãnh vực đối thoại đại kết chân chính.

Cho nên, chủ trương rằng việc đồng công cứu chuộc của Đức Mẹ cả trong tước hiệu lẫn trong học lý đi ngược lại sứ mệnh đại kết của Giáo Hội, trong căn bản, quả đã hiểu lầm chính sứ mệnh đại kết ấy của

Giáo Hội vậy. Trọn vẹn học lý Công Giáo, trong đó có học lý về sự đồng công cứu chuộc của Đức Maria, phải được lồng trong bất cứ cuộc đối thoại chân chính nào nhằm tìm kiếm hiệp nhất Kitô giáo. Mặt khác, việc cố ý văng bóng Đức Maria đồng công cứu chuộc trong cuộc đối thoại đại kết trọn vẹn và trong sứ mệnh đại kết xét chung của Giáo Hội sẽ thiếu tính toàn vẹn và tính công bằng đối với các nhà chủ trương đại kết của Công Giáo so với các Kitô hữu không Công Giáo là những người được quyền mang tới bàn đối thoại trọn bộ học lý đặc thù của họ. Ở đây, ta nên nhớ lại câu hỏi của Đức Gioan Phaolô II đã trích trên kia: “Trong Nhiệm Thể Chúa Kitô, đáng “là đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14:6), ai dám coi là hợp pháp việc hòa giải mà lại làm hại đến chân lý cho được?” (17).

Bởi thế, gọi Đức Trinh Nữ Diễm Phúc Maria là đáng đồng công cứu chuộc dưới ánh sáng Thánh Kinh và Thánh Truyền Kitô giáo không hề đi ngược lại việc đại kết, mà đúng hơn, sẽ tạo nên một thành tố yếu tính cho tính toàn vẹn Kitô giáo do việc đại kết chân thực kia đòi hỏi, vì việc đồng công cứu chuộc của Đức Maria làm nên giáo huấn học lý của Giáo Hội Công Giáo.

Thực ra, nếu học lý đồng công cứu chuộc hiện đang làm một số Kitô hữu khó hiểu, vì đối với họ, nó phảng phất hình ảnh một nữ thần hay đưa ra những quan điểm thái quá về Đức Maria, thì xem ra lại càng thích hợp để phát biểu rõ ràng học lý Thánh Mẫu này cho các anh chị em Kitô hữu của chúng ta trong cuộc đối thoại đại kết. Cũng có thể có ích lợi nữa khi đức giáo hoàng chính thức xác định học lý này, như vậy sẽ cung cấp được sự soi sáng lớn lao nhất từ thẩm quyền cao nhất của Công Giáo. Như lời đức nguyên hồng y New York là John O'Connor từng nói: “Rõ ràng, một xác định chính thức của Đức Giáo Hoàng bằng một ngôn từ chính xác sẽ giúp các Kitô hữu khác hết lo lắng là chúng ta không chịu phân biệt một cách đầy đủ giữa việc Đức Maria liên kết độc đáo với Chúa Kitô và quyền lực cứu chuộc chỉ một mình Chúa Kitô có được” (18).

Một cái nhìn đại kết hợp lý khác về việc Đức Maria đồng công cứu chuộc và sau đó vai trò làm mẹ thiêng liêng của Người là trong tư cách mẹ thiêng liêng của mọi người, Đức Maria có thể là phương thế chính tạo sự hiệp nhất giữa anh chị em Kitô hữu đang phân rẽ nhau, chứ không hẳn là trở ngại cho việc hiệp nhất ấy. Mục sư Giáo hội Luthêrô là Tiên sĩ Charles Dickson từng kêu gọi các giáo hội Thệ phản hãy xét lại việc bênh vực tích cực Đức Maria có đầy đủ tài liệu và lòng sùng kính Người nơi nhiều vị sáng lập, như **Martin Luther** chẳng hạn, trong bài bình luận Kinh Magnificat của ông, đã viết: “Xin Mẹ dịu hiền của Thiên Chúa ban cho con tinh thần khôn ngoan hữu ích và trọn vẹn để con trình bày bài ca này của Người... Xin Chúa Kitô ban cho chúng ta cái hiểu đúng đắn... nhờ lời cầu bầu và nhân danh Mẹ Maria yêu quý của Người...” (19). Luther sau đó xưng tụng Đức Maria là “xương thịt của Thiên Chúa”, là “Nữ Vương thiên đàng” và tuyên bố: “Đức Nữ Trinh Maria muốn nói đơn giản rằng bài chúc tụng của Người sẽ được ca hát từ đời này qua đời nọ để không bao giờ có lúc nào Người lại không được ca ngợi” (20).

Về vai trò làm mẹ thiêng liêng phổ quát của Đức Maria như dụng cụ tạo hiệp nhất Kitô giáo, Tiên Sĩ Dickson viết tiếp:

“Thời ta, ta vẫn còn đương đầu với sự phân rẽ đáng buồn giữa các Kitô hữu hoàn cầu. Ấy thế nhưng, trước thêm một kỷ nguyên đại kết đầy sáng lạng, Đức Maria như mẫu mực cho công giáo tính, cho phổ quát tính, lại càng trở nên quan trọng. Trong suốt nhiều thế kỷ từ lúc khởi đầu Giáo Hội, chức phận làm mẹ Giáo Hội là một vấn đề. Chức phận làm mẹ này không thể biến mất dù cho có phân rẽ. Đức Maria, nhờ chức phận làm mẹ, đã duy trì được tính phổ quát cho đoàn chiên của Chúa Kitô. Nếu toàn bộ cộng đồng Kitô giáo hướng lên Người, thì khả thể một hạ sinh mới, một hoà giải, sẽ gia tăng. Như thế, Đức Maria, mẹ Giáo Hội, cũng là nguồn suối hòa giải giữa các con cái tan tác và đang phân rẽ của Người” (21)

III: Chúa Giêsu, Đấng Trung Gian Duy Nhất

Thỉnh nguyện thư cũng xin Đức Thánh Cha long trọng công bố vai trò trung gian của Đức Mẹ trong nhiệm cục cứu rỗi. Phản chứng thứ ba cho rằng thư thứ nhất gửi Timôtê nói rất rõ: “có một Thiên Chúa duy nhất và một đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và con người, đó là Chúa Giêsu Kitô” (2:5). Thành thử nếu xưng tụng Đức Maria là đấng trung gian, chẳng hóa ra lại có một đấng trung gian khác, ngoài Chúa Giêsu Kitô hay sao!

Theo Giáo Sư Miravalle, đấng hay người trung gian chỉ là người đứng giữa hai người khác hay hai nhóm khác để kết hiệp hay giảng hòa họ. Áp dụng hạn từ này vào Chúa Giêsu Kitô, quả Thánh Phaolô có nói như trên. Không ai đến với Chúa Cha mà không qua sự trung gian duy nhất và hoàn hảo của Chúa Giêsu Kitô.

Vấn đề là sự trung gian hoàn hảo của Chúa Giêsu Kitô có ngăn cản hay đúng hơn cho phép người khác tham dự một cách lệ thuộc vào sự trung gian duy nhất ấy hay không? Nói cách khác, sự trung gian duy nhất độc chiếm của Chúa Kitô có ngăn cản tạo vật nào bất cứ không được dự phần vào sự trung gian duy nhất có tính yếu tính ấy hay không? Hay sự hoàn hảo vừa thần linh vừa nhân bản kia có cho phép người khác tham dự vào sự trung gian duy nhất ấy một cách phụ thuộc, ở hàng thứ hai?

Thánh Kinh Kitô giáo cung cấp cho ta nhiều thí dụ điển hình tương tự như vấn đề trung gian ở đây, trong đó, các Kitô hữu có bốn phận phải tham dự vào một điều cũng ‘duy nhất’, độc chiếm và hoàn toàn tùy thuộc ngôi vị Chúa Giêsu Kitô như vậy.

Trước nhất là **tư cách (Chúa) Con** của Chúa Giêsu Kitô. Chỉ có một Con đích thực duy nhất của Thiên Chúa là Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã được Chúa Cha sinh ra (1Ga 1:4). Nhưng mọi Kitô hữu đều được mời gọi tham dự vào tư cách Con thực sự duy nhất ấy của Chúa Giêsu Kitô bằng cách trở nên “dưỡng tử” trong Chúa Kitô (xem 2Cor 5:17; 1Ga 3:1; Gl 2:20), như một hành vi chia sẻ cùng một tư cách làm Con của Chúa Kitô nhờ phép rửa, là phép giúp các dưỡng tử cùng chia sẻ gia nghiệp với Chúa Con, tức sự sống đời đời.

Thứ đến là **sống trong một Chúa Kitô** duy nhất. Mọi Kitô hữu đều được kêu gọi chia sẻ “sự sống duy nhất” của Chúa Giêsu Kitô, vì ơn thánh chính là tham dự vào sự sống và tình yêu của Chúa Giêsu Kitô, và qua Người, vào sự sống và tình yêu của Chúa Ba Ngôi. Nên thánh Phaolô dạy rằng: “...không phải là tôi, mà là Chúa Kitô sống trong tôi” (Gl 2:20). Còn thư thứ hai của Thánh Phêrô thì kêu gọi Kitô hữu trở nên “người chia sẻ thiên tính” để sống trong một Chúa Kitô duy nhất, và qua đó sống trong sự sống Ba Ngôi Thiên Chúa (1:4).

Sau nữa là **chức linh mục duy nhất** của Chúa Giêsu Kitô. Mọi Kitô hữu cũng được mời gọi chia sẻ, ở mức độ khác nhau, chức linh mục duy nhất của Chúa Giêsu Kitô. Thư Do Thái nhận dạng Chúa Giêsu Kitô như “linh mục thượng phẩm” duy nhất (xem Dt 3:1; 4:14; 5:10), Đấng dâng mình làm hy lễ tối cao trên đồi Calvary. Ấy thế nhưng Thánh Kinh vẫn kêu gọi mọi Kitô hữu tham dự vào chức linh mục duy nhất ấy của Chúa Giêsu Kitô, dĩ nhiên ở mức độ tham dự khác nhau, hoặc thừa tác viên (xem Cv 14:22) hoặc vương đế (xem 1Pr 2:9), bằng cách dâng lên “hy lễ thiêng liêng”. Mọi Kitô hữu đều được giáo huấn để “dâng lên các hy lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa” (1Pr 2:5, 9).

Trong tất cả các trường hợp trên, Tân Ước đều mời gọi Kitô hữu chia sẻ điều vốn duy nhất và độc hữu là của Chúa Giêsu Kitô, Đấng là Alpha và Omega, là Đầu Hết và là Tận Cùng, trong các mức độ tham dự

tuy chân thực nhưng hoàn toàn lệ thuộc. Thành thử ra, trong trích dẫn Chúa Kitô như Đấng Trung Gian duy nhất (1Tm 2:5), ta thấy cùng một lệnh truyền của Kitô giáo đòi ta phải tham dự vào sự trung gian duy nhất của Chúa Giêsu Kitô, nhưng trong một trung gian đệ nhị đẳng hoàn toàn lệ thuộc sự trung gian hoàn hảo duy nhất của Chúa Giêsu Kitô.

Như thế câu hỏi Kitô học chủ yếu ta cần phải đặt ra là: Việc chia sẻ tùy thuộc ấy vào sự trung gian duy nhất của Chúa Kitô có che khuất mất sự trung gian duy nhất ấy không hay đúng hơn nó làm nổi bật vinh quang của sự trung gian duy nhất ấy? Câu hỏi này được trả lời dễ dàng khi ta tưởng tượng thế giới hiện đại ngày nay mà không có “các dưỡng tử trong Chúa Kitô”, không có những Kitô hữu ngày nay biết chia sẻ sự sống duy nhất của Chúa Giêsu Kitô trong ơn thánh hay không có các Kitô hữu biết dâng các hy lễ thiêng liêng trong cùng một chức linh mục duy nhất của Chúa Kitô. Không có sự tham dự nhân bản như thế mới đem đến sự che khuất tư cách làm Con duy nhất, chức Linh Mục Thượng Phẩm duy nhất, và chính sự Sống ơn thánh nơi Chúa Giêsu Kitô.

Nguyên tắc ấy cũng đúng đối với việc tham dự vào sự trung gian duy nhất của Chúa Giêsu Kitô một cách tùy thuộc và lệ thuộc: con người nhân bản càng tham dự vào sự trung gian duy nhất của Chúa Giêsu Kitô, thì sự hoàn hảo, uy lực và vinh quang của sự trung gian duy nhất và cần thiết của Chúa Giêsu Kitô càng được tỏ lộ cho thế gian.

Mặt khác, Thánh Kinh Kitô Giáo còn cung cấp cho ta một số **điển hình các vị trung gian nhân bản** được Thiên Chúa thiết lập để, theo sáng kiến của Người, hợp tác trong việc kết hiệp nhân loại với Thiên Chúa. Các **tiên tri vĩ đại** của Cựu Ước chính là các trung gian giữa Chúa Giavê và dân Người, do chính Người tấn phong, thường là để dẫn dân Do Thái quay về trung thành với Chúa Giavê (xem Is 1; Gr 1; Ed 2). Các **tổ phụ** của Cựu Ước như Abraham, Isaac, Giacóp và Môsen v.v... đều là các vị trung gian, do chính sáng kiến của Thiên Chúa, trong giao ước cứu rỗi giữa Chúa Giavê và dân tộc Israel (xem St 12:2; 15:18; Xh 17:11). Thánh Phaolô nhận diện sự trung gian lệ luật của Môsen đối với dân Israel như sau: “Như vậy vì sao mà có Luật? Luật đã được Thiên Chúa truyền ban qua một trung gian” (Gl 3:19-20). Các **thiên thần** cũng thế, qua hàng trăm hành vi trung gian suốt thời Cựu Ước và Tân Ước, quả là các sứ giả của Thiên Chúa, sẵn sàng làm trung gian hoà giải giữa Thiên Chúa và gia đình nhân loại, cả trước và sau khi Chúa Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất, xuống thế (Xem St 3:24; Lc 1:26; Lc 1:19).

Về Đức Maria, Thánh Kinh Kitô giáo cũng rõ ràng mạc khải **sự tham dự đệ nhị đẳng và lệ thuộc** của Mẹ Chúa Giêsu vào sự trung gian duy nhất của Chúa Giêsu Kitô. Lúc **Truyền Tin**, lời thưa “vâng” đầy tự do và tác động đối với lời mời của thiên thần đã trung gian đưa đến cho thế gian Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Chuộc trần gian và là Tác Giả mọi ơn thánh (xem Lc 1:38). Vì sự tham dự độc đáo này qua việc trao ban cho Đấng Cứu Chuộc thân xác trần gian của Người và trung gian Nguồn Suối ơn thánh cho thế gian, nên Đức Maria xứng đáng được xưng tụng là đấng cứu chuộc và là đấng trung gian mọi ơn thánh, trong tư cách một người tham dự cách độc đáo vào sự trung gian duy nhất của Chúa Giêsu Kitô.

Việc tham dự độc đáo của Đức Maria vào sự trung gian của Chúa Kitô, nhất là vào việc Cứu Chuộc của Người, lên cao nhất **trên đồi Calvary**. Dưới chân thánh giá, sự thống khổ của Đức Mẹ hiệp làm một với hy lễ cứu chuộc của Con mình, như là Evà Mới và Adam Mới, đã dẫn tới hoa trái thiêng liêng phổ quát của việc thủ đắc các ơn thánh cứu chuộc là điều ngược lại sẽ dẫn tới quả phúc tình mẫu tử thiêng liêng do chính trái tim Chúa Kitô Chịu Đóng Đinh ban tặng cho mọi trái tim nhân bản: “Đây là mẹ con!” (Ga 19:27). Quả phúc của Đấng Cứu Chuộc là chính mẫu thân của Người làm mẹ thiêng liêng cho toàn thể nhân loại dẫn đến việc nuôi dưỡng thiêng liêng của Bà Mẹ dành cho con cái mình trong trật tự ơn thánh. Điều ấy tạo nên việc Đức Maria phân phối các ơn thánh trên đồi Calvary cho các con cái thiêng liêng của mình trong tư cách đấng trung gian mọi ơn thánh, một tư cách mãi mãi tiếp diễn việc Người tham dự

cách độc đáo vào sự trung gian cứu rỗi duy nhất của Chúa Giêsu Kitô.

Đức Gioan Phaolô II giải thích cái hiểu của Công Giáo về sự tham dự độc đáo trên nơi Đức Maria vào sự trung gian duy nhất của Chúa Giêsu Kitô như sau:

Một cách hết sức độc đáo, Đức Maria bước vào sự trung gian duy nhất “giữa Thiên Chúa và con người” tức sự trung gian của con người mang tên Giêsu Kitô... Ta phải nói rằng nhờ sự sung mãn ơn thánh và sự sống siêu nhiên này, Người đặc biệt được sắp xếp từ trước cho việc hợp tác với Chúa Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất đem cứu rỗi đến cho con người. Sự hợp tác như thế chính là sự trung gian tùy thuộc sự trung gian của Chúa Kitô. Nơi Đức Maria, ta có sự trung gian đặc biệt và ngoại hạng.

Trong bài chú giải về câu 1 Tm 2:5 và sự trung gian đầy mẫu tử của Mẹ Maria, Đức Gioan Phaolô II nói thêm:

Ta nhớ rằng sự trung gian của Đức Maria chủ yếu được xác định nhờ chức làm mẹ Thiên Chúa của Người. Mặt khác, việc nhìn nhận vai trò làm đấng trung gian của Người vốn đã mặc nhiên ngay trong thuật ngữ “Mẹ chúng con”, một thuật ngữ trình bày cho ta học thuyết về sự trung gian của Đức Mẹ bằng cách nhấn mạnh đến tư cách làm mẹ của Ngài... Khi tuyên xưng Chúa Kitô là Đấng Trung Gian duy nhất (xem 1 Tm 2:5-6), bản văn của Thư Thánh Phaolô gửi Timôtê quả có loại bỏ bất cứ sự trung gian song hành nào khác, nhưng đâu có loại bỏ sự trung gian lệ thuộc. Trên thực tế, trước khi nhấn mạnh tới sự trung gian độc hữu duy nhất của Chúa Kitô, tác giả bức thư thúc giục “ai nấy dâng lời cầu xin, khẩn nguyện, nài van, tạ ơn cho tất cả mọi người” (2:1). Há lời cầu nguyện không phải là hình thức trung gian đó ư? Quả thực, theo Thánh Phaolô, sự trung gian duy nhất của Chúa Kitô có mục đích khuyến khích các hình thức trung gian khác có tính tùy thuộc, thừa tác vụ... Đúng vậy, sự trung gian mẫu tử của Đức Maria là gì nếu không phải là quà phúc Chúa Cha ban cho nhân loại? (23)

Cho nên, ta có thể coi việc Đức Maria tham dự vào sự trung gian duy nhất của Chúa Giêsu Kitô là độc đáo và khôn sánh so với bất cứ sự tham dự nhân bản hay thiên thần nào, nhưng lại hoàn toàn lệ thuộc và tùy thuộc vào sự trung gian duy nhất của Chúa Giêsu Kitô. Hiểu như thế, sự trung gian mẫu tử của Đức Maria biểu lộ vinh quang và uy lực chân thực của Đấng Trung Gian duy nhất là Chúa Giêsu Kitô như không còn đấng nào khác. Các tước hiệu và vai trò đồng công cứu chuộc và trung gian mọi ơn thánh (và cả bào chữa nữa) không có cách chi vi phạm điều cấm kỵ trong đoạn 1 Tm 2:5 vốn không cho phép bất cứ hình thức trung gian song hành, độc lập và đối thủ nào khác, nhưng chỉ nói lên sự tham dự hết sức độc đáo, ngoại hạng và đầy tình mẫu tử vào sự trung gian cứu rỗi của Chúa Giêsu Kitô.

Như lời nhà học giả Anh Giáo của Oxford, là Tiến sĩ John Macquarie, đã nói:

Không thể giải quyết vấn đề này [sự trung gian của Đức Maria] bằng cách nại tới cái nguy hiểm của việc nói quá hay lạm dụng, hoặc bằng cách trích dẫn những bản văn rời rạc của Thánh Kinh như là câu đã trích ở trên từ 1 Tm 2:5 hoặc bằng ý muốn đừng nói bất cứ điều gì có thể phật lòng người đối tác với mình trong cuộc đối thoại đại kết. Những người háo hức thiếu suy nghĩ có thể nâng địa vị Đức Maria lên gần như ngang hàng với Chúa Kitô, nhưng sự sai lầm như thế không là hậu quả nhất thiết của việc nhìn nhận rằng có thể có sự thật trong khi người ta cố gắng đạt được các thuật ngữ như đấng nữ trung gian và đấng nữ đồng công cứu chuộc.

Mọi thần học gia có trách nhiệm hẳn sẽ nhất trí rằng vai trò đồng công cứu chuộc của Đức Maria tùy thuộc và trợ tá cho vai trò trung tâm của Chúa Kitô. Nhưng nếu Người có một vai trò như thế, thì càng hiểu biết nhiều hơn về nó bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Và cũng như các học lý khác liên quan đến

Đức Maria, nó không chỉ đề cập đến điều gì đó liên quan đến Người mà thôi, nhưng còn nói đến một điều gì đó tổng quát hơn về Giáo Hội như một toàn bộ, và cả về thế giới như một toàn bộ nữa (24).

Hoạt Động Nhân Thân

Phản chứng thứ tư tương tự như phản chứng thứ ba trên đây, nhưng nhấn mạnh đến khía cạnh hoạt động nhân thân (theandric activity) nơi công trình cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô.

Phần lớn câu trả lời cho phản chứng này đều đã được trình bày ở phần trên, khi ta nhấn mạnh đến khía cạnh tùy thuộc và lệ thuộc trong sự đồng công cứu chuộc và trung gian của Đức Mẹ. Ở đây, Giáo Sư Mark Miravalle chỉ nhấn mạnh đến khía cạnh Đức Maria tham dự tích cực vào hành vi cứu chuộc của Thiên Chúa.

Theo ông, sinh hoạt nhân thân có ý nói tới hoạt động của Chúa Giêsu Kitô được tiến hành nhờ cả hai bản tính Thiên Chúa và bản tính nhân loại của Người. Theo phản chứng này, vì hành vi Chúa Giêsu Kitô cứu chuộc nhân thế là một sinh hoạt nhân thân, còn Đức Maria chỉ là một phạm nhân, các hoạt động của Ngài không có tính nhân thân và do đó, Ngài không thể tích cực dự phần vào việc cứu chuộc ấy được. Do đó, Đức Maria không thể nào chính xác gọi là đồng công cứu chuộc được, vì từ ngữ này có nghĩa là Người cùng Chúa Cứu Chuộc “mua lại” nhân loại.

Theo giáo sư Miravalle, muốn trả lời phản chứng này, ta nên trở lui với nghĩa cốt yếu tầm nguyên của chữ “co-redemptrix” (nữ đồng công cứu chuộc). Trong La Ngữ, “cum” nghĩa là “với”, “re(d)emere” nghĩa là “mua lại” (cứu chuộc) còn “trix” chỉ “người làm điều gì đó” ở giống cái. Như thế “co-redemptrix” có nghĩa là “người đàn bà với đồng cứu chuộc” hay “người đàn bà mua lại với đồng cứu chuộc”. Không hề có nghĩa ngang hàng với đồng cứu chuộc.

Theo nghĩa dùng trong Giáo Hội Công Giáo, hạn từ “nữ đồng công cứu chuộc” này diễn tả việc Đức Maria tham dự cách tích cực và độc đáo vào hành vi cứu chuộc có tính nhân thân của Chúa Giêsu Kitô. Sự tham dự này triệt để tùy thuộc và lệ thuộc hành vi cứu chuộc có tính nhân thân của Chúa Giêsu Kitô, vì chính sự hoàn hảo của hoạt động cứu chuộc nhân thân kia cho phép, chứ không ngăn cấm, các trình độ tham dự chân thực và tích cực của con người.

Mặc dù phân biệt hành vi nhân thân với hành vi nhân bản là điều chính đáng, nhưng sẽ đi ngược lại Thánh Kinh Kitô giáo và truyền Thống Kitô giáo, cả thời xưa lẫn ngày nay, khi bác khước sự tham dự tích cực của con người vào hoạt động nhân thân của Chúa Giêsu Kitô.

Tích cực tham dự vào hoạt động nhân thân không đòi hỏi người tham dự cũng phải có cả hai bản tính nhân thân. Hiểu như thế là hiểu sai sự phân biệt giữa “hữu thể” (người sở hữu yếu tính và thuộc tính đặc thù của chính con người mình) và “tham dự” (chia sẻ yếu tính và thuộc tính đặc thù của người khác). Như thế, Đức Maria, vì là một tạo vật nhân bản có thể tích cực tham dự vào hoạt động cứu chuộc có tính nhân thân của Chúa Giêsu Kitô dù chính Người không sở hữu yếu tính thần tính như một thuộc tính đặc thù. Cũng tương tự như thế, mọi Kitô hữu đều cùng chia sẻ bản tính Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô (xem 2Pr 1:4) tuy không phải là các thần minh; tham dự vào tư cách con của Chúa Giêsu Kitô (xem Gl 4:4) dù không được Chúa Cha sinh ra; chia sẻ sự trung gian của Chúa Kitô (xem Gl 3:19, 1Tm 2:1) dù không phải là Đấng Trung Gian nhân thân duy nhất (1Tm 2:5).

Trên đây đã nhắc đến các chứng cứ của Thánh Kinh và của Thánh Truyền cũng như của các vị Giáo Hoàng và của Công Đồng Vatican II về sự tham dự tích cực này của Đức Maria. Ở đây chỉ xin trích dẫn

thêm một vài chứng cứ nữa.

Thánh Albertô Cả, cùng thế kỷ với Thánh Bonaventura, cho hay: “Chỉ có Ngài được đặc ân này là hiệp thông trong cuộc Khổ Nạn... Và để biến Ngài thành người chia sẻ ơn phúc Cứu Chuộc, Chúa muốn Ngài là người chia sẻ hình phạt Khổ Nạn, đến mức Ngài trở thành mẹ mọi người qua tạo dựng mới...” (33).

Qua thế kỷ 14, John Tauler viết: “Thiên Chúa chấp nhận sự dâng hiến của ngài như lễ hy sinh đẹp lòng cho sự hữu ích và cứu rỗi của toàn thể nhân loại... Người từng nói trước với Mẹ (Maria) mọi khổ nạn của Mẹ qua đó Người biến Mẹ thành người chia sẻ mọi huân nghiệp và mọi đau đớn của Người, và Mẹ sẽ cộng tác với Người trong việc tái lập loài người vào ơn cứu rỗi” (34)

Một thánh ca thời Trung cổ từng ngợi khen: “...như đang cùng đau khổ với Chúa Cứu Chuộc, để cứu vớt kẻ tù ngục tội lỗi, Mẹ quả là Đấng Đồng Công Cứu Chuộc” (35).

Giáo huấn Kitô giáo về Đấng Nữ Đồng Công Cứu Chuộc tiếp diễn liên tục từ thời Trung Cổ qua thời cận đại (36) như đã được chứng tỏ qua tuyển tập tiêu biểu các trích dẫn sau đây:

“Các thánh và các vị tiền sĩ hiệp nhất với nhau xung tụng Đức Bà Diễm Phúc là đấng đồng công cứu chuộc thế gian. Không thể nghi ngờ sự bất chính trong việc sử dụng ngôn từ này, vì có cả một thẩm quyền trời vượt bực nó...” (Faber, thế kỷ 19) (37).

“Chúng ta nghĩ tới các công phúc ngoại thường khác qua đó, Người chia sẻ với Chúa Giêsu, Con Người, trong việc cứu chuộc nhân loại... Người không những chỉ hiện diện trong các mẫu nhiệm Cứu Chuộc, nhưng còn can dự vào các mẫu nhiệm ấy nữa...” (Đức Lêô XIII, thế kỷ 19) (38).

“Căn cứ vào mức độ Người đau đớn và hầu như chết đi cùng với người Con đau đớn và đang hấp hối của mình; căn cứ vào mức độ Người hy sinh quyền làm mẹ đối với người Con của mình cho phần rỗi nhân loại, và hiến tế người Con ấy, để người đức công bằng của Thiên Chúa, ta có quyền nói rằng Người quả đã cứu chuộc loài người chúng ta cùng với Chúa Kitô” (Đức Bênêđictô XV, thế kỷ 20) (39).

“Căn cứ vào bản chất công việc của Người, Chúa Cứu Chuộc hẳn đã liên hợp Mẹ của Người vào công trình của mình. Vì lý do đó, chúng ta kêu cầu Đức Mẹ là Đấng Đồng Công Cứu Chuộc” (Đức Piô XI, thế kỷ 20) (40)

Trên kia, Giáo sư Miravalle đã trích dẫn Công Đồng Vatican II nhiều lần về vấn đề này. Cả Đức Gioan Phaolô II nữa. Tiếc rằng vì tài liệu này được soạn thảo dưới thời Đức Gioan Phaolô II, nên không có lời trích dẫn nào của Đức Đương Kim Giáo Hoàng.

Nhưng sự tham dự của Đức Maria trong tư cách đồng công cứu chuộc vào công trình cứu vớt nhân loại khác với ơn gọi tổng quát kêu mời mọi Kitô hữu tham dự vào việc cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô ra sao?

Thánh Kinh Kitô giáo quả có kêu gọi mọi Kitô hữu “bù đắp điều còn thiếu trong các thống khổ của Chúa Kitô vì lợi ích nhiệm thể Người là chính Giáo Hội” (Cl 1:24). Giáo huấn này của Thánh Phaolô không có ý nói tới sự tham dự của mọi Kitô hữu vào việc cứu chuộc có tính lịch sử và phổ quát trên đồi Calvary nơi Chúa Giêsu thủ đắc các ơn Cứu Chuộc bằng cuộc khổ nạn và cái chết của Người (thần học thường gọi điều này là “sự cứu chuộc khách quan”). Và nếu thế, thì quả là không chính xác khi ám chỉ có điều “thiếu sót” trong các thống khổ cứu chuộc có tính lịch sử, cùng xảy ra với huân nghiệp cứu rỗi của Chúa

Giêsu Kitô, một huân nghiệp tự nó là vô biên và không thể nào mức cạn hết được.

Đúng hơn, giáo huấn của Thánh Phaolô muốn nói tới lệnh truyền buộc Kitô hữu qua cộng tác tự do, qua cầu nguyện và hy sinh, dự phần vào việc tuôn trào và phân phối các ơn thánh vô biên do Chúa Giêsu thủ đắc được trên đồi Calvary cho gia đình nhân loại (thần học thường gọi điều này là “sự cứu chuộc chủ quan”). Giống như mọi trái tim nhân bản phải tích cực đáp ứng trong tự do đối với ơn thánh cứu rỗi của Chúa Giêsu Kitô cho sự cứu chuộc bản thân, chủ quan của mình thế nào, thì Kitô hữu cũng được mời gọi tham dự tích cực vào việc tuôn trào và phân phối các ơn thánh cứu rỗi cho người khác như thế nữa, và, bằng cách này, “bù đắp” điều Thánh Phaolô gọi là “thiếu” trong các thống khổ của Chúa Kitô cho lợi ích của nhiệm thể Người. Về phương diện này, Kitô hữu quả có tham dự vào sự cứu chuộc chủ quan, tức việc phân phối các ơn cứu rỗi trong tư cách “cộng tác viên của Thiên Chúa” (1Cor 3:9) hay “đồng cứu chuộc” như cách nói của các vị giáo hoàng thời hiện đại (45).

Sự tham dự có tính cứu chuộc của Đức Maria khác với ơn gọi chung các Kitô hữu tham dự vào việc phân phối ơn thánh cứu rỗi trong việc cứu chuộc có tính cá thể, chủ quan bản thân, vì chỉ một mình Đức Maria là tham dự vào sự cứu chuộc khách quan, có tính lịch sử và phổ quát, dĩ nhiên một cách lệ thuộc và phụ thuộc hoàn toàn vào Đấng Cứu Chuộc, như Evà Mới cùng với Áđam Mới và dưới quyền Áđam này. Vì lý do này, tước hiệu đồng công cứu chuộc chỉ có thể dành cho Đức Maria mà thôi. Đây là giáo huấn của Đức Gioan Phaolô II, phát biểu năm 1997:

Sự cộng tác của Kitô hữu vào sự cứu rỗi xảy ra sau biến cố Calvary, mà hoa trái được họ cố gắng phân phối qua cầu nguyện và hy sinh. Nhưng Đức Maria thì khác, Người cộng tác vào ngay biến cố đang xảy ra ấy và cộng tác trong vai trò làm mẹ; như thế, sự cộng tác của Người bao trùm trọn bộ công trình cứu chuộc của Chúa Kitô. Chỉ một mình Người hiệp nhất cách đó với lễ hy sinh cứu chuộc đem lại sự cứu rỗi cho nhân loại (46).

Bởi thế, tước hiệu và chân lý về Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc theo cái nhìn của Thánh Kinh Kitô giáo và Truyền Thống Kitô Giáo đã tăng cường tính chính đáng và mang hoa trái thiêng liêng cho việc tham dự nhân bản tích cực vào hành động nhân thần cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô. Đối với Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc, việc tham dự vào cứu chuộc này cấu thành việc tham dự cả vào việc thủ đắc lẫn phân phối các ơn cứu chuộc; còn đối với mọi Kitô hữu khác, họ chỉ tham dự vào việc phân phối các ơn cứu chuộc trong tư cách cộng tác viên của Chúa Kitô. Như đã được nhà thần học của Vatican là Cha Jean Galot, S.J., tóm kết trên tờ L'Osservatore Romano, cơ quan ngôn luận bán chính thức của Tòa Thánh:

Tước hiệu Nữ Đồng Công Chuộc Tội bị chỉ trích vì nó có thể gợi ý một sự ngang hàng giữa Đức Maria và Chúa Kitô. Lời chỉ trích ấy không có nền tảng... Đồng công cứu chuộc bao hàm một lệ thuộc vào công trình cứu chuộc của Chúa Kitô, vì nó chỉ là một hợp tác chứ không phải là một công trình độc lập và song song. Bởi thế, ta phải loại bỏ ngay sự ngang hàng với Chúa Kitô...” (47).

IV: Chỉ Là Lòng Sùng Kính

Phản chứng thứ năm cho rằng ý niệm coi Đức Maria là đồng công cứu chuộc chỉ là niềm tin đạo đức do một số người Công Giáo sùng đạo chủ trương. Tuy có được một số vị giáo hoàng nhắc đến, nhưng chỉ trong những văn bản không quan trọng, và không được trình bày như một học lý tại Công Đồng Vatican II.

Giáo Sư Miravalle cho rằng đối với một tín hữu Công Giáo, vấn đề liệu một chủ trương thần học nào đó

có cấu thành giáo huấn học lý chính hiệu của Giáo Hội hay không chủ yếu được minh chứng qua sự hiện diện của nó (hay vắng bóng của nó) trong các giáo huấn được thẩm quyền của Giáo Hội nhìn nhận. Thẩm quyền giáo huấn chính thức của Giáo Hội Công Giáo, gọi tắt là Huấn Quyền, bao gồm giáo huấn chính thức của đức giáo hoàng và các giám mục hiệp thông với đức giáo hoàng dưới sự hướng dẫn tổng quát của Chúa Thánh Thần (48).

Dù có một phẩm trật giữa các phát biểu của thẩm quyền giáo huấn chính thức Công Giáo, đi từ các tín điều được một công đồng chung hay một công bố vô ngộ “ex cathedra” của một vị giáo hoàng xác định, qua giáo huấn học lý tổng quát của công đồng chung, tới các thông điệp, các bài diễn văn của đức giáo hoàng, thì đồng thời vẫn có chỉ thị tổng quát, do chính Công Đồng Vatican II đưa ra, đòi các tín hữu Công Giáo nhất tâm nhất trí với tâm trí của đức giáo hoàng, ngay cả khi ngài không tuyên bố vô ngộ (4). Dù sao, thì mọi giáo huấn học lý của các công đồng chung, thông điệp của các đức giáo hoàng, hay những lời dạy được lặp đi lặp lại một cách nhất quán của các ngài đều cấu thành giáo huấn học lý chính hiệu của Giáo Hội Công Giáo.

Ta hãy thử áp dụng tiêu chuẩn trên vào vấn đề vị thứ học lý của tước hiệu đồng công cứu chuộc nơi Đức Maria xem sao.

Dựa trên các giáo huấn học lý của Công Đồng Vatican II, ta thấy vị thứ học lý của tư cách đồng công cứu chuộc nơi Đức Mẹ là điều không cần phải đặt ra. Xin xem lại các tuyên bố của Công Đồng đã trích dẫn trên đây.

Nhà thần học của Vatican là Cha Jean Galot, S.J., đã xác nhận vị thứ học lý chính thức của tước hiệu đồng công cứu chuộc nơi Đức Maria, dưới ánh sáng giáo huấn của Vatican II như sau:

Dù không dùng thuật ngữ “đồng công cứu chuộc”, rõ ràng Công Đồng đã xác nhận học lý này: một hợp tác thuộc loại độc đáo, một hiệp tác của người mẹ vào cuộc sống và công việc của Đấng Cứu Thế, một hợp tác lên cao điểm ở việc tham dự vào hy lễ trên đồi Calvary, và điều ấy được quy về sự sống siêu nhiên các linh hồn... (53)

Trên tờ L'Osservatore Romano, Cha Galot còn viết thêm: “Công Đồng Vatican II tuy tránh không dùng tước hiệu gây tranh luận này (đồng công cứu chuộc) nhưng đã mạnh mẽ khẳng định học lý bao hàm trong tước hiệu ấy...” (54)

Ngoài sự hiện diện học lý chắc chắn tại Công Đồng Vatican II ra, việc Đức Maria đồng công cứu chuộc với tước hiệu minh nhiên “đáng nữ đồng công cứu chuộc” đã được giáo huấn các vị giáo hoàng lặp đi lặp lại nhất quán suốt từ thế kỷ 19 đến thế kỷ 21, đủ để bảo đảm vị thứ học lý chính hiệu của nó trong lòng Giáo Hội (55).

Lời **Đức Lêô XIII**: “Khi Đức Maria dâng mình hoàn toàn cho Thiên Chúa cùng với Con mình trong đền thờ, Người đã chia sẻ với Con mình sự đền tội đầy đau đớn cho toàn thể nhân loại. Cho nên, chắc chắn một điều Người đã chịu trong thâm sâu linh hồn Người nỗi thống khổ cay đắng nhất và nỗi dẫn vật khùng khiếp nhất của Con mình. Cuối cùng, chính ngay trước mắt Đức Maria, hy lễ Thần Thánh mà chính Người đã hạ sinh và nuôi dưỡng, đã được hoàn tất..., ta thấy bên Thánh Giá Chúa Giêsu, là Mẹ Chúa, Đấng, trong một hành động yêu thương lạ lùng, để Chúa vui lòng tiếp nhận chúng ta như con cái Mẹ, đã sẵn sàng dâng Con mình cho đức công bình thần thánh, chết lịm trong tâm hồn cùng Con, tâm hồn bị lưới gươm sào thâm đâm thấu” (56).

Đức **Thánh Giáo Hoàng Piô X** viết: “Nhờ kết hiệp đau đớn và mục tiêu giữa Chúa Kitô và Người, Đức Maria xứng đáng trở nên Đấng Đền Tạ (Reparatrix) cho thế giới sa đọa, và vì lẽ ấy, đấng ban phát mọi ơn mà Chúa Giêsu đã thủ đắc cho ta nhờ cái chết và máu thánh Người..., và vì Chúa Kitô đã chọn Đức Maria làm người cùng hành động với Chúa trong công trình cứu rỗi, nên Đức Mẹ đã lập công trạng theo tình nghĩa (**de congruo**) cho chúng ta như người ta thường nói, trong khi Chúa Kitô lập công trạng tự mình Người (**de condigno**) cho ta...” (57).

Đức **Bênêđictô XV**: “Sự kiện Người ở cùng Con mình, đang chịu đóng đinh và hấp hối, là điều phù hợp với kế hoạch Thiên Chúa. Căn cứ vào mức độ Người từ bỏ quyền làm mẹ đối với Con mình vì phần rỗi nhân loại, và hiến tế người Con ấy để làm dịu đức công bằng của Thiên Chúa, ta có thể nói cách đúng đắn rằng Người đã cùng với Chúa Kitô cứu chuộc nhân loại vậy” (58).

Đức **Piô XI**: “Ôi Mẹ yêu thương và nhân từ, Đấng đã đứng bên cạnh khi người Con dịu ngọt nhất của Mẹ đang hoàn tất việc Cứu Chuộc nhân loại trên bàn thờ thánh giá, cùng chịu đau đớn với Con như đấng đồng công cứu chuộc... chúng con khẩn cầu Mẹ gìn giữ chúng con và ngày qua ngày gia tăng hoa trái quý giá công trình Cứu Chuộc của Người và lòng xót thương của Mẹ thánh Người” (59).

Đức **Piô XII**: “Chính Người, Đấng luôn luôn mật thiết kết hiệp với Con mình, như Evà Mới, đã dâng Con trên đồi Calvary lên Cha Hằng Hữu, cùng với lễ hy sinh quyền làm mẹ và tình yêu thương của mình, nhân danh mọi con cháu Adam, từng bị sự sa ngã của tổ phụ ấy làm cho nhơ nhuốc” (60).

Đức **Gioan Phaolô II**: “Trong Người, rất nhiều đau đớn cùng cực đã được tích tụ một cách liên tục đến độ chúng không những chỉ chứng tỏ đức tin không lay chuyển của Người, mà còn là một đóng góp vào công trình cứu chuộc mọi người... Chính trên đồi Calvary, mà cuộc thống khổ của Đức Maria, bên cạnh sự thống khổ của Chúa Giêsu, đã đạt đến cường độ không thể nào tưởng tượng nổi nếu đứng trên quan điểm nhân loại, nhưng lại, một cách mâu thuẫn và siêu nhiên, mang nhiều hoa trái Cứu Chuộc cho thế gian. Sự đồng tâm nhất trí của Người trên đồi Calvary và việc Người đứng dưới chân thánh giá cùng với người môn đệ được Chúa yêu thương quả là một hình thức chia sẻ hết sức đặc biệt vào cái chết cứu chuộc của Con mình” (61).

Đức Gioan Phaolô II viết tiếp: “Cùng chịu đóng đinh thiêng liêng với người Con chịu đóng đinh của mình (xem Gl 2:20), Người đã chiêm ngắm, với một tấm tình yêu thương anh hùng, cái chết của Đấng Thiên Chúa của mình, Người đã ‘nhất trí một cách đầy yêu thương với sự hiến tế hiến sinh này, một hiến sinh chính Người đem vào đời’ (Lumen Gentium, số 58)... Thực vậy, trên đồi Calvary, Người đã kết hiệp nên một với lễ hy sinh của Con mình, lễ hy sinh đã dẫn đến việc lập ra Giáo Hội... Quả thực, vai trò của Đức Maria như là đấng đồng công cứu chuộc không chấm dứt với việc con Mình được tôn vinh” (62).

Như thế, ta thấy rõ ràng cả hai tiêu chuẩn về giáo huấn công đồng chung và các giáo huấn được lặp đi lặp lại cách nhất quán của các vị Giáo Hoàng, qua các thông điệp và lời dạy tổng quát, đủ để hỗ trợ thích đáng cho vị thứ giáo huấn học lý chính hiệu của tước hiệu đồng công cứu chuộc của Đức Mẹ.

Nhưng phe phản chứng cho rằng, các tuyên bố trên đây của các vị giáo hoàng ít có giá trị, vì chúng chỉ được phát biểu bằng những văn kiện không đáng giá. Và do đó, không đại biểu cho giáo huấn học lý chính thức của Giáo Hội. Phản ứng như thế là giả tạo tách tước hiệu đáng nữ đồng công cứu chuộc ra khỏi học lý thần học về việc đồng công cứu chuộc, mà tước hiệu kia vốn liên kết một cách yếu tính và từ đó mà có. Tước hiệu này có ý nói tới chức năng thiêng liêng được Đức Mẹ thủ diễn trong việc cộng tác cách độc đáo vào công trình Cứu Chuộc, và do đó, tách tước hiệu này ra khỏi học lý là phá vỡ một cách

không thích đáng và đầy nguy hiểm mỗi liên kết của nó với nền tảng học lý đã được mạc khải và được giảng dạy một cách có thẩm quyền. Tóm lại, sự chắc chắn học lý về sự đồng công cứu chuộc của Đức Maria bảo đảm sự chắc chắn học lý của tước hiệu Maria Đồng Công Cứu Chuộc.

Đàng khác, việc Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II liên tục, một cách nhất quán, dùng tước hiệu đồng công cứu chuộc (ít nhất 5 lần, xem phần trên), tự nó cũng cất bỏ khỏi tâm trí tín hữu Công Giáo bất cứ vấn nạn nào về tính chính đáng học lý của tước hiệu đồng công cứu chuộc. Có người cho rằng có thể Đức Gioan Phaolô lầm lẫn trong phạm vi này. Tuy nhiên, ý nghĩ này xem ra không có cơ sở khi người ta thấy sự đồng thuận lớn lao đối với tâm và trí vị Giáo Hoàng này ngay trong các vấn đề không có tính vô ngộ (64).

Tóm lại, dưới ánh sáng các giáo huấn của cả công đồng chung lần của các vị giáo hoàng, việc Đức Maria đồng công cứu chuộc và tước hiệu nữ đồng công cứu chuộc của Người cấu thành giáo huấn học lý chính thức của Giáo Hội Công Giáo.

V: Đức Maria cũng cần cứu chuộc

Phản chứng thứ sáu cho rằng Đức Maria cũng cần được cứu chuộc, thì làm sao Người đồng cứu chuộc theo nghĩa khách quan được. Nếu Người quả có hợp tác trong việc cứu chuộc khách quan, chẳng hóa ra không có sự hợp tác của Người, thì việc cứu chuộc khách quan không hoàn tất? Mà nếu thế, thì chính Người cũng không được cứu chuộc. Có cái gì mâu thuẫn ở đây!

Theo giáo sư Miravalle, mâu thuẫn biểu kiến trên sẽ được loại bỏ nếu ta hiểu thế nào là sự “**cứu chuộc gìn giữ**” (preservative redemption) dưới ánh sáng các công phúc thấy trước của Chúa Giêsu trên thánh giá.

Quả thực Đức Maria cũng cần được “cứu chuộc” để có thể tham dự tích cực vào diễn trình Cứu Chuộc trong tư cách một cộng tác viên vô tội, tức Evà Mới, với Chúa Giêsu Kitô, tức Adam Mới, và dưới quyền Chúa Kitô. Nếu mắc tội nguyên tổ hay hiệu quả của tội ấy, Đức Maria không thể nào hoàn toàn kết hiệp với Đấng Cứu Chuộc và ở thế “thù nghịch” hay hoàn toàn chống đối Satan và giống dòng tội lỗi và các hiệu quả của nó được (xem St 3:15), trong diễn trình “mua lại” gia đình nhân loại khỏi Satan và tái lập gia đình này trong ơn thánh. Bất cứ tội lỗi nào trong Đức Maria cũng biến Người thành một thứ “nhị trùng” (double agency) kết hiệp cả với Đấng Cứu Chuộc lẫn Satan. Thành thử, trong tư cách con cái Adam và Evà theo huyết thống nhân loại, Đức Maria cần được cứu chuộc dưới hình thức được gìn giữ khỏi tội và các hiệu quả của tội để có thể thủ diễn nhiệm vụ làm đáng đồng công cứu chuộc với Đấng Cứu Chuộc trong diễn trình cứu chuộc khách quan phổ quát.

Khi xác định tín điều Đức Maria **Vô Nhiễm Thai** năm 1854, Chân Phúc Giáo Hoàng Piô IX công bố rằng từ giây phút tượng thai đầu tiên, Đức Maria đã không mắc tội tổ tông và các hiệu quả của tội này “nhờ công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô” (65). Điều ấy cho thấy cung cách cao hơn hay tuyệt diệu hơn trong đó Đức Maria được cứu chuộc, hơn hẳn mọi con cháu Adam và Evà. Trong ơn cứu chuộc của Đức Maria, Người không phải kinh qua tội nguyên tổ và các hiệu quả của nó, trái lại nhờ các **công phúc thấy trước của Chúa Giêsu Kitô** trên đồi Calvary, Người đã được gìn giữ khỏi bất cứ cảm nghiệm tội nguyên tổ nào hay bất cứ hiệu quả nào của nó, và do đó được cứu chuộc một cách cao siêu hơn nhiều.

Cách cao siêu hơn nhiều này vốn được hiểu như sau: theo kế hoạch quan phòng của Chúa Cha, ý định đầu tiên của Chúa Kitô là dành công phúc của hy lễ cứu chuộc trên đồi Calvary cho chính người Mẹ của mình (66). Cái ơn phúc do ý định đầu tiên của Đấng Cứu Chuộc ấy đã được áp dụng cho Đức Maria

ngay lúc Người được tượng thai, giúp Người trở thành Đấng Đồng Công Cứu Chuộc không tì vết, Eva Mới của lịch sử, tham dự vào diễn trình cứu chuộc lịch sử khách quan của Chúa Giêsu Kitô trên đồi Calvary.

Thành ra, vai trò lịch sử của Đấng Đồng Công Cứu Chuộc không gây mâu thuẫn chỉ giữa công trình cứu chuộc khách quan trên đồi Calvary và nhu cầu bản thân của Đức Maria cần đến ơn cứu chuộc. Nhờ việc Vô Nhiễm Thai (ơn cứu chuộc được ban cho Người lúc được tượng thai nhờ công phúc tương lai của Chúa Giêsu Kitô trên đồi Calvary), Đức Maria mới có khả năng tham dự cách độc đáo vào công trình cứu chuộc có tính lịch sử mọi con người khác trong nhân loại cùng với Con Cứu Chuộc của Người. Như lời Cha Galot đã tóm tắt rất hay: “Theo kế hoạch Thiên Chúa, ý định đầu tiên của hy lễ cứu chuộc liên quan đến việc chuộc Đức Maria, với viễn tượng để chuộc tất cả chúng ta... Như thế, khi kết hiệp với hy lễ Calvary, Đức Maria đã **được hưởng trước** hoa trái của hy lễ này và đã hành động trong tư cách một tạo vật đã được chuộc lại. Nhưng quả thực Người có hợp tác vào việc cứu chuộc khách quan, tức vào việc thủ đắc ơn cứu rỗi cho toàn thể nhân loại. On cứu chuộc của Người đã được mua trước ơn cứu chuộc của các hữu thể nhân bản khác. Đức Maria được Chúa Kitô chuộc chỉ là để nhân loại được chuộc lại với sự cộng tác của Mẹ Người...”

Bởi thế, không mâu thuẫn chi hết: việc Đức Maria đồng công cứu chuộc bao hàm việc cứu chuộc thấy trước của Đức Maria... Nó cho thấy vị trí độc đáo của bà mẹ sau khi nhận được ơn thánh đặc biệt của Con mình, đã cộng tác với Người để đạt được ơn cứu rỗi cho mọi người (67).

Nhiều trường phái thần học khác thích phân biệt ý niệm tổng quát về cứu chuộc thành hai loại “gìn giữ” và “chuộc lại” (preservation & ransoming). Vì Đức Maria, xét theo khía cạnh kỹ thuật, không bao giờ ở dưới ách nô lệ của Satan, vì Người không bao giờ cảm nghiệm tội lỗi, nên hạn từ “chuộc” ít chính xác đối với Người, vì hạn từ này chỉ việc lấy lại một ai đó khỏi ách nô lệ trước đó. Do đó, hạn từ “gìn giữ” hay “cứu chuộc gìn giữ” chính xác hơn, vì nó phân biệt được tính độc đáo trong nhu cầu Đức Maria cần được Chúa Kitô cứu chuộc đầu tiên trong tư cách con cháu Adam và Eva, nhưng lại không có nghĩa là Người từng chịu ách nô lệ tội lỗi của Satan, cho thấy rõ hình thức cứu chuộc cao siêu hơn dành cho Người và việc Người tham dự sau đó vào việc “chuộc lại” mọi người khác trong gia đình nhân loại (68).

Liệu ý định đầu hết của Chúa Giêsu Kitô muốn cứu chuộc mẹ mình để rồi, với ý định kế tiếp, muốn cứu chuộc mọi người khác trong nhân loại có ngược với “lẽ hy sinh duy nhất” của Chúa Giêsu Kitô dâng lên cho hết thảy như đã được đề cập trong Thư Do Thái (Dt 10:10) không? Không hẳn thế, vì **sự cứu chuộc vẫn chỉ là một mặc dù ý định và áp dụng có hiệu quả của nó là hai**. Lễ hy sinh cứu chuộc duy nhất của Chúa Giêsu Kitô tại Calvary không cấu thành “hai việc cứu chuộc” mà chỉ là một việc cứu chuộc với hai áp dụng cứu rỗi: áp dụng đầu tiên đem lại hiệu quả là ơn Vô Nhiễm Thai cho Đức Maria và nhờ đó chuẩn bị Người trở thành đấng đồng công cứu chuộc qua việc hợp tác của Người vào công trình cứu chuộc khách quan; áp dụng thứ hai đem lại hiệu quả là ơn cứu chuộc cho gia đình nhân loại được thực hiện với đấng đồng công cứu chuộc (69).

Trong bài giảng ngày Lễ Vô Nhiễm Thai tại nhà thờ chánh toà Krakow, Đức Hồng Y Karol Wojtyla (Đức Gioan Phaolô II sau này) đã tóm tắt chân lý về Đức Maria này như sau: “Để trở thành đấng đồng công cứu chuộc, trước hết Người là Đấng Vô Nhiễm Thai” (70).

VI: Không thêm ơn ích gì

Phản chứng thứ bảy cho rằng dù cho việc Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc có là một giáo huấn học lý của Giáo Hội đi chăng nữa, thì tuyên bố điều ấy như một tín điều nào có thêm ơn ích gì, trái lại có thể

gây chia rẽ trầm trọng trong Giáo Hội.

Theo Giáo Sư Miravalle, hiện có nhiều hoa trái tích cực nếu học lý này được công bố thành tín điều:

1. Có sự rõ ràng hơn về thần học đối với một phạm vi hiện bị hiểu lầm.

Khi Chân Phúc Giáo Hoàng Piô IX nâng học lý Vô Nhiễm Thai của Giáo Hội lên hàng tín điều vào năm 1854, ngài tuyên bố rằng hoa trái của việc xác định này là “đem lại sự hoàn hảo” cho học lý, bằng cách tăng thêm nhiều sáng sủa và soi sáng gây ích lợi cho mọi người:

Giáo Hội lao nhọc rất nhiều để gọt dũa các giáo huấn trước đây, hòng mang lại sự hoàn hảo cho việc phát biểu chúng ra bằng cách giúp các tín điều cũ xưa về học lý ấy nhận được chứng cứ, soi sáng, phân biệt trong khi vẫn duy trì được tính đầy đủ, hoàn bị, đặc điểm riêng của chúng...(70).

Căn cứ vào sự mơ hồ lẫn lộn có tính căn bản hiện nay liên quan đến vấn đề thực ra Giáo Hội Công Giáo muốn nhấn nhè điều gì trong học lý Đức Maria đồng công cứu chuộc của mình (được chứng minh qua bài báo của tờ New York Times và các phản ứng sau đó), người ta thấy rõ rằng ơn ích sẽ rất lớn nếu ta có được một công bố chính xác, được lên công thức theo Thánh Kinh với sự soi sáng của Thánh Truyền Kitô Giáo, do thẩm quyền tối cao của Giáo Hội, nhằm bảo đảm sự chính xác và đích thực về học lý.

2. Các ơn ích đại kết nếu cuộc đối thoại học lý có được một phát biểu Công Giáo đích thực.

Thay vì bị nhận thức là chống lại các đòi hỏi của cố gắng hiệp nhất Kitô giáo, một phát biểu chính xác điều người Công Giáo tin về tước hiệu Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc, và cả điều họ không tin (tức việc ngang hàng với Chúa Giêsu Kitô, hay thần tính của Đức Mẹ...), sẽ phục vụ rất nhiều cuộc đối thoại đại kết chân chính, dựa trên sự chính trực và chân lý của giáo huấn học lý Công Giáo.

Đức cố hồng y John O'Connor của New York có nhắc đến ích lợi này trong thư ủng hộ, xin Đức Giáo Hoàng xác định việc Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc loài người: “Rõ ràng, một xác định chính thức của Đức Giáo Hoàng được phát biểu bằng một ngôn từ chính xác sẽ giúp các Kitô hữu khác không còn lo âu là chúng ta không biết phân biệt một cách thích đáng giữa sự liên kết độc đáo của Đức Mẹ với Chúa Giêsu và quyền lực cứu chuộc chỉ một mình Chúa Giêsu mới có” (72). Một xác định như thế sẽ giúp tránh được khuynh hướng nguy hiểm hiện nay là trong cuộc đối thoại đại kết, người ta chỉ muốn trình bày các yếu tố học lý chung cho hết các Kitô hữu, thay vì đúng hơn phải trình bày các khía cạnh khó nhưng cần thiết trong việc chia sẻ các yếu tố học lý không được mọi Kitô hữu chủ trương giống nhau ấy. Sự toàn vẹn trong các trao đổi đại kết như thế hết sức cần thiết để sau cùng đạt được sự hiệp nhất Kitô giáo đích thực.

3. Có được sự khai triển đích thực về học lý Thánh Mẫu.

Bốn tín điều về Đức Maria hiện nay, tức các tín điều Mẹ Thiên Chúa (năm 431), Trọn Đời Đồng Trinh (năm 649), Vô Nhiễm Thai (năm 1854) và Hồn Xác Lên Trời (năm 1950), đều đề cập đến các thuộc tính hay đặc tính cuộc sống dương thế của Đức Maria, nhưng chưa có tín điều nào nói đến Mẹ Chúa Giêsu trong tương quan với nhân loại.

Về lịch sử, quả là điều lý thú khi người ta biết rằng một tháng sau khi công bố tín điều Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời vào tháng 11 năm 1950, Hội Nghị Thánh Mẫu Học Quốc Tế đã chính thức thỉnh nguyện Đức Giáo Hoàng Piô XII dùng quyền giáo hoàng xác định tư cách trung gian phổ quát của Đức Mẹ, coi như

một diễn tiến hợp lý theo sau việc xác định tín điều Hồn Xác Lên Trời (73).

Sau cuộc đòi dương thế và sau khi các thuộc tính của Đức Maria đã có được sự “hoàn hảo về học lý” tương ứng qua các xác định tín điều long trọng rồi, thì điều cũng thích đáng xem ra là việc đặc ân trên trời của Người như là mẹ thiêng liêng của mọi người trong trật tự ơn thánh, bao gồm cả và dựa vào việc đồng công cứu chuộc đầy độc đáo của Người, phải nhận được sự hoàn hảo hóa học lý dưới hình thức một xác định tín điều.

4. Khẳng định phẩm giá nhân vị và tự do nhân bản.

Một trong các triết gia nhân vị hiện đại hàng đầu của thế giới (thuộc trường phái triết học chú tâm vào phẩm giá nhân vị), Giáo Sư Tiên Sĩ Josef Seifert (74) cho rằng một tín điều về Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc sẽ củng cố cách tuyệt diệu phẩm giá và tính tự do của nhân vị: Một tín điều dùng để công bố Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc sẽ minh chứng cách độc đáo sự tự do đầy đủ của nhân vị và việc Chúa kính trọng sự tự do của con người. Tín điều này nhìn nhận cách tối hậu rằng chính quyết định đầy tự do của một nhân vị tức Đức Maria, Đấng đến làm Mẹ Thiên Chúa cũng không thể có được nếu không tự do thừa lời xin vâng, một quyết định không hoàn toàn do ơn thánh tạo nên cách độc chiếm nhưng cũng là hoa trái do chính sự chọn lựa bản thân của Người đem lại, là điều cần thiết đối với ơn cứu rỗi của ta, hay đã góp phần một cách cần thiết vào đường lối cứu chuộc cụ thể được Thiên Chúa chọn lựa.

Trong thời đại ta, là thời triết học nhân vị được khai triển cách sâu sắc như chưa bao giờ có trong lịch sử nhân loại, đồng thời cũng là thời các ý thức hệ phản nhân vị đang thống trị, một tín điều như thế chắc chắn sẽ được nhận thức cách đúng đắn như một củng cố tuyệt diệu đối với phẩm giá của nhân vị.

Trong tất cả các điều trên, người ta thấy ra một giá trị và một ý nghĩa chủ yếu khi tín điều này được công bố trong thời đại ta là thời xuất hiện ý thức mới về phẩm giá nhân vị, nhưng cũng là thời con người bị hạ nhục hơn hết bằng hành động và bị từ khước bằng lý thuyết hơn bao giờ hết (75).

5. Tái khẳng định phẩm giá người phụ nữ

Trong cuộc thảo luận hiện đại về phong trào nữ quyền và bản chất người phụ nữ, việc đức giáo hoàng công bố tín điều Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc sẽ tăng cường điều ta có thể gọi một cách chính xác là tình yêu và lòng kính trọng của Thiên Chúa dành cho người đàn bà. Theo Thánh Kinh Kitô giáo, trọn bộ kế hoạch quan phòng của Chúa Cha trong việc sai Con Một Người xuống cứu chuộc thế gian tùy thuộc lời tự do ưng thuận của một người đàn bà (xem Lc 1:38; Gl 4:4). Điều Chúa Cha “tin cậy” nơi người đàn bà trong con người Đức Maria là Người làm cho việc Chúa Cứu Chuộc của toàn thể gia đình nhân loại xuống trần gian lệ thuộc sự thoả thuận tự do của người đàn bà này.

Như lời Tiên Sĩ Seifert một lần nữa nói: “Bởi thế, việc công bố mới một học lý cổ truyền sẽ cho thấy một cách mới mẻ một chân lý trường cửu về Đức Maria và về người phụ nữ, một chân lý tuy luôn được Giáo Hội tin nhưng chưa bao giờ được tuyên bố cách rõ ràng và không nghi ngại: công trình vĩ đại nhất của tình yêu độ lượng của Thiên Chúa, tức sự Cứu Chuộc nhân loại và ơn cứu rỗi của ta, theo một nghĩa thực sự, cũng là hậu quả một hành vi tự do của một người đàn bà và do đó cũng là tặng phẩm người đàn bà đem lại cho nhân loại” (76).

Xa hơn chút nữa, ông viết: “Tín điều này sẽ nói lên phẩm giá trong hành động của một người đàn bà, một hành động vượt xa về tính năng động, tính cao siêu và tính hiệu quả mọi việc làm của mọi tạo vật và con người khác: của mọi vua chúa và chính trị gia, mọi tư tưởng gia, khoa học gia, triết gia, mọi nghệ sĩ

và họa viên từ lúc khởi đầu cho tới lúc tận cùng thế giới...” (77).

Do đó, việc mạc khải và vai trò Đấng Đồng Công Cứu Chuộc của Đức Maria khi được xác định trọn vẹn, sẽ mang lại một nền tảng điển hình để hiểu rõ hơn sự đóng góp độc đáo của phong trào nữ quyền đối với nhân loại, và trong tư cách ấy, tạo nền tảng nhân học vững chắc cho phong trào nữ quyền Kitô giáo đích thực.

6. Tái nhấn mạnh nhu cầu người Kitô hữu cần cộng tác với ơn thánh Chúa cho phần rỗi mình.

Nhà học giả Anh giáo của Oxford, Tiến Sĩ John Macquarrie cho hay vai trò Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc đem lại cho ta biểu thức cụ thể cho thấy sự cần thiết đòi con người nhân bản phải tự do và tích cực hợp tác với ơn thánh Chúa để cứu rỗi mình. Mặt khác, ông còn coi chân lý Kitô giáo trong tước hiệu Maria Đồng Công Cứu Chuộc như một tu chính đối với các nền thần học vốn loại bỏ phẩm giá ấy khỏi con người nhân bản, và do đó, đã đưa ra một hình ảnh Kitô giáo không đáng yêu chút nào. Tiến Sĩ Macquarrie tóm tắt điều này như sau:

“Trong một số hình thức giảng dạy, người ta tin rằng con người nhân bản có thể được cứu rỗi mà không biết đến cả việc cứu rỗi ấy đang xảy ra. Tất cả đã xảy ra rồi qua công trình cứu chuộc một lần là xong của Chúa Kitô. Đó là một sự kiện, dù người ta có nhìn nhận hay không... Đối với Barth, việc Cứu Chuộc [chủ quan] cũng chỉ là một hành vi hoàn toàn khách quan, đã được hoàn tất ‘bên ngoài chúng ta, không cần chúng ta, có khi còn chống lại cả chúng ta nữa...’. Theo cái nhìn của ông, không được coi Cứu Chuộc như một diễn trình còn đang diễn ra, trong đó ta có vai trò để đóng, nhưng là một hành vi làm một lần là xong của Thiên Chúa xảy ra trước cả khi ta sinh ra...”

Bây giờ, nếu đồng ý với quan điểm của Barth, tôi sẽ phải nói rằng ông ta coi con người nhân bản như những con cừu hay trâu bò, có khi còn là những con múa rối, chứ không phải là những hữu thể độc đáo như thực sự chúng ta là, những hữu thể có hồn thiêng được tạo nên giống hình ảnh Thiên Chúa và được ủy nhiệm một mức độ tự do và trách nhiệm nào đó...Quá dễ hiểu khi Feuerbach, Marx, Nietzsche và cả một hàng hà các nhà tư tưởng ngày nay đều hiểu rằng Kitô giáo đã làm họ ra xa lạ với tính người chân thực...”

Bây giờ, ta hãy trở lại với việc xem xét tước hiệu Maria Đồng Công Cứu Chuộc. Có lẽ ta ta buộc phải nhìn nhận rằng Barth và nhiều người khác rất có thể có lý khi tin rằng địa vị mà nền thần học Công Giáo dành cho Đức Maria là mối đe dọa đối với học lý “chỉ một mình ơn thánh” (*sola gratia*), nhưng tôi nghĩ điều đó chỉ đúng khi người ta giải thích học lý “chỉ một mình ơn thánh” một cách cực đoan, khi học lý ấy trở thành mối đe dọa đối với quan điểm thực sự bản thân và có tính thánh kinh về hữu thể nhân bản... một hữu thể có khả năng đáp trả Thiên Chúa trong công trình xây dựng tạo vật. Quan điểm đầy hy vọng này về loài người đã được ngôi vị hóa và được tôn vinh trong Đức Maria.

Trong những hình ảnh thoáng qua về Đức Maria mà ta có được trong các phúc âm, thì hình ảnh Người đứng dưới chân Thánh Giá, cạnh Con thân yêu của mình, và các lời Người cầu nguyện và cầu bầu cùng với các tông đồ, là những hình ảnh rất nổi cho thấy Đức Maria chia sẻ và hỗ trợ việc làm của Chúa Kitô... Chính Đức Maria đã đến để biểu tượng hóa sự hài hòa hoàn hảo giữa ý muốn của Thiên Chúa tối cao và đáp ứng của con người nhân bản, đến độ chính Người đem ý nghĩa lại cho biểu thức Đấng Đồng Công Cứu Chuộc (78). Tước hiệu ấy và việc công bố mới sẽ giúp bảo vệ tự do, phẩm giá con người và đòi hỏi nhân bản trong việc tự do cộng tác với ơn thánh cứu rỗi.

7. “Đau khổ là cứu chuộc” và “văn hóa sự chết”

Một xác định long trọng Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc sẽ là một công bố của Kitô giáo với thế giới rằng “đau khổ là cứu chuộc”. Điển hình Kitô giáo về Đấng Nữ Đồng Công Cứu Chuộc sẽ chứng tỏ cho thế giới biết rằng chấp nhận thánh giá do Đấng Quan Phòng cho phép xảy tới cho cuộc nhân sinh của ta không phải là một phí phạm vô giá trị cần phải tránh bất cứ giá nào, gồm cả những cái ác tự tại như chết êm ái và phá thai. Nhưng đúng hơn, sự chịu đựng kiên nhẫn mọi khó nhọc đau đớn của đời người đều có giá trị siêu nhiên khi kết hiệp làm một với nỗi thống khổ của Chúa Giêsu Kitô. Đó là tham dự vào việc phân phối các ơn thánh cứu chuộc của Calvary, cả cho chính bản thân ta lẫn cho người khác (xem Cl 1:24).

Ngay cả gương sáng Đức Maria “xin vâng” đối với một sự sống chưa sinh ra, trong những hoàn cảnh rất có thể cô vũ các phán đoán lệch lạc và đầy châm chọc từ những người sống chung quanh Người, cũng là tấm gương của lời “xin vâng” đồng công cứu chuộc mà mọi người chúng ta nên thừa trước biến cố sự sống chưa sinh ra, bất chấp hoàn cảnh nào.

Đức Gioan Phaolô II đã mô tả nền “văn hoá sự chết” hiện nay là “bầu khí văn hóa không biết nhận thức bất cứ ý nghĩa hay giá trị nào nơi đau khổ, mà đúng hơn đã coi đau khổ như hình ảnh thu nhỏ của sự ác mà người ta cần loại bỏ bằng bất cứ giá nào. Điều này đặc biệt đúng khi người ta không có một cái nhìn tôn giáo giúp mang lại một cái hiểu tích cực về mâu nhiệm đau khổ” (79).

Gương cụ thể của Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc mang lại cho Giáo Hội và thế giới lời nhắn tích cực của Kitô giáo rằng “đau khổ là cứu chuộc” trong mọi hoàn cảnh có thể: trong cơn bách hại Kitô giáo, trong cơn ung thư đến hồi kết liễu, trong những lần thai nghén “ngoài ý muốn”, trong các thánh giá thông thường của cuộc sống hằng ngày.

8. Hiệp nhất nhờ đặc sủng giáo hoàng trong lòng Giáo Hội Công Giáo

Dưới viễn ảnh Công Giáo, đặc sủng (charism, hay ơn Chúa Thánh Thần) từng được ban cho Thánh Phêrô và các đấng kế vị ngài, nghĩa là các đức giáo hoàng tiếp sau (xem Mt 16:15-20), chính là nguồn hiệp nhất về học lý và sinh hoạt cho mọi chi thể Giáo Hội. Khi sử dụng đặc sủng vô ngộ của đức giáo hoàng nhờ sự soi sáng của Chúa Thánh Thần trong việc gìn giữ khỏi sai lầm các vấn đề thuộc đức tin và luân lý, việc sử dụng đặc sủng giáo hoàng này quả đã duy trì và tăng cường thích đáng sự hiệp nhất về sinh hoạt đặt căn bản trên sự hiệp nhất về đức tin, về chân lý và học lý. Cùng một ơn ích hiệp nhất do việc sử dụng đặc sủng giáo hoàng ấy cũng sẽ nhận được trong trường hợp đức giáo hoàng long trọng xác định việc Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc.

Đôi khi có người phản đối rằng một xác định như thế về việc Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc chỉ tỏ “gây chia rẽ” bên trong Giáo Hội. Ta cần hiểu rõ vấn đề này: tự bản chất, chân lý Kitô giáo bao giờ cũng hiệp nhất; chỉ có chia rẽ khi người ta bác bỏ chân lý Kitô giáo mà thôi. Đối với việc xác định tín điều Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc cũng thế.

Trước nhất, đây đã là một giáo huấn thuộc học lý của Giáo Hội rồi và do đó phải được các tín hữu Công Giáo tiếp nhận với một gắn bó tôn giáo cả của trí lẫn của chí (80). Thứ hai, như vừa nói trên đây, việc sử dụng đặc sủng vô ngộ của đức giáo hoàng để phục vụ chân lý Kitô giáo và được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần tự nó đã mang theo mình ơn thánh hiệp nhất tâm hồn dựa trên sự hiệp nhất chân lý và đức tin. Nhưng cũng giống như Chúa Giêsu Kitô, “dấu hiệu gây mâu thuẫn”, từng bị bác khước ra sao (xem Lc 2:35), thì chân lý liên quan đến Mẹ Đấng là “dấu hiệu gây mâu thuẫn” cũng có thể bị bác khước như thế.

Cho nên, bất cứ sự chia rẽ nào bên trong Giáo Hội do việc đức giáo hoàng dùng đặc ân vô ngộ để xác định Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc sẽ không phải do việc xác định ấy gây ra, mà là do việc bác bỏ sự xác định ấy gây ra mà thôi.

9. Các thánh thời hiện đại và Đấng Nữ Đồng Công Cứu Chuộc Tội

Một dấu chỉ sự chín mùi của học lý về Đấng Nữ Đồng Công Cứu Chuộc và tính có thể long trọng công bố của nó là chứng tá và lời dạy hiện đại về chân lý Thánh Mẫu này của một số rất đông các vị thánh và á thánh đã được tôn phong ngày nay. Sự hết lời đánh giá của các vị này cho thấy sự chín mùi thiêng liêng giữa lòng thánh thiện anh hùng của Nhiệm Thể Chúa Kitô ngày nay.

Trong các vị đặc biệt lớn tiếng đánh giá việc Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc, cả như một học lý Thánh Mẫu lẫn như một mẫu mực cho cuộc sống thiêng liêng của Kitô hữu, ta thấy có Thánh Têrêxa thành Lisieux, Thánh Maximilian Kolbe, Thánh Giáo Hoàng Piô X, Thánh Phanxicô Xaviê Cabrini, Thánh Gemina Galgani, Thánh Leopold Mandic, Chân Phúc Elizabeth Chúa Ba Ngôi, Thánh Edith Stein, Chân Phúc Jose Maria Escriva, Chân Phúc Padre Pio và nhiều vị khác nữa (81).

Chân Phúc Têrêxa thành Calcutta cũng đã ủng hộ cuộc vận động xin đức giáo hoàng tuyên bố tín điều Đức Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc. Theo Chân Phúc, “Việc đức giáo hoàng xác định Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc, Đấng Trung Gian mọi ơn thánh, và là Đấng Bào Chữa sẽ đem lại nhiều ơn phúc lớn lao cho Giáo Hội. Tất cả vì Chúa Giêsu nhờ Mẹ Maria” (82)

10. Dẫn khởi vào cuộc toàn thắng của Trái Tim Vô Nhiễm được tiên báo tại Fatima

Một số khá nhiều các tác giả và nhà tư tưởng Thánh Mẫu hiện đại trên khắp thế giới (83) cũng coi việc công bố của đức giáo hoàng về việc Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc, cũng như các vai trò thiêng liêng của Người từ đó mà ra như Đấng Trung Gian mọi ơn phúc và Đấng Bào Chữa, như một “dẫn khởi” dứt khoát hay khởi đầu cuộc Toàn Thắng của Trái Tim Vô Nhiễm Maria, đã được tiên đoán tại cuộc hiện ra năm 1917 tại Fatima, Bồ Đào Nha.

Ý niệm đặc thù về cuộc “Toàn thắng của Trái Tim Vô Nhiễm” này phát sinh từ chính các lời trong các cuộc hiện ra của Đức Mẹ tại Fatima đã được Giáo Hội công nhận, khi Người nói với ba trẻ em Bồ Đào Nha được điểm phúc thấy Người. Sau khi tiên báo các biến cố sắp xảy ra như việc chủ nghĩa cộng sản vô thần lên cầm quyền, việc Giáo Hội và Đức Thánh Cha bị bách hại, tiềm năng cuộc thế chiến lần thứ hai, và việc hủy diệt một số quốc gia, Đức Mẹ đã nói như sau: “cuối cùng, Trái Tim Vô Nhiễm Mẹ sẽ toàn hắng...” (84).

Do đó, cuộc Toàn Thắng của Trái Tim Vô Nhiễm Đức Mẹ đã được thấy trước như việc đổ tràn ơn thánh xuống thế gian, do sự trung gian cho thế giới của Đấng Nữ Đồng Công Cứu Chuộc, Đấng Nữ Trung Gian, và Đấng Bào Chữa, và dẫn tới một thời kỳ bình an thiêng liêng cho nhân loại.

Một số tác giả Thánh Mẫu học ngày nay coi việc Đức Giáo Hoàng công bố Đức Mẹ là Đấng Đồng Công Cứu Chuộc trong cuộc Toàn Thắng của Trái Tim Vô Nhiễm, như một nhìn nhận chính thức của Đức Giáo Hoàng, trong tư cách thẩm quyền tối cao của Giáo Hội, sử dụng tự do cần thiết về phía nhân loại để quyền năng trung gian và chuyển cầu trọn vẹn của Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc, Đấng Trung Gian và Bào Chữa có cơ hội tuôn trào trong việc phân phối các ơn phúc cứu chuộc của Calvary cho thế giới hiện đại.

Thiên Chúa không áp đặt ơn phúc của Người lên chúng ta, nhưng chờ nhân loại tự do thỏa thuận. Với việc xác nhận chính thức của đức giáo hoàng về sự đồng công cứu chuộc của Đức Mẹ, tức việc sử dụng ý chí tự do của thẩm quyền cao nhất nhân danh nhân loại, hành vi tự do này sẽ làm Đấng Nữ Đồng Công Cứu Chuộc được mở “khóa”, rộng tay hết mình phân phối các ơn của Calvary bằng cách tuôn trào một lần nữa các ơn dồi dào của Chúa Thánh Thần xuống cho thế gian. Như lời giải thích của Đại sứ Phi-luật-tân, Howard Dee, bên cạnh Tòa Thánh:

Hai ngàn năm trước đây, trong Mùa Vọng đầu tiên, Chúa Thánh Thần đã xuống trên Đức Mẹ, và khi quyền năng Đấng Tối Cao bao phủ Người, Người đã thụ thai Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa. Giờ đây, trong mùa Vọng Mới này, chính là Mẹ Mọi Dân Tộc, Đấng Nữ Đồng Công Cứu Chuộc Tội, Đấng Nữ Trung Gian mọi ơn phúc, và là Đấng Bào Chữa, đã tháp tùng Hiền Phu mình mà ngự xuống tâm hồn chúng ta và tái tạo trong mỗi chúng ta, nếu ta chịu vâng theo, hình ảnh Chúa Giêsu... Việc công bố tín điều thứ năm không còn là đặc quyền của chúng ta nữa; mà là bổn phận của chúng ta (85). Như thế, việc đức giáo hoàng công bố tín điều này sẽ tạo nên một tuôn trào có tính lịch sử các ơn phúc thiêng liêng cho thế giới qua việc Mẹ thiêng liêng của toàn thể nhân loại sử dụng trọn vẹn các vai trò Đồng Công Cứu Chuộc, Đấng Trung Gian mọi ơn phúc và Đấng Bào Chữa của mình một cách hào phóng nhất xưa nay (86)

Kết luận

Người ta hy vọng rằng một chút ánh sáng nào đó đã chiếu rọi được các vấn nạn chính liên quan đến chính cuộc thảo luận hiện nay về vấn đề Đức Maria Đồng Công Cứu Chuộc và ít nhất như một dẫn nhập để thảo luận khía cạnh đặc thù trong việc đức giáo hoàng có thể xác định học lý Đồng Công Cứu chuộc.

Về tiềm năng có thể có việc xác định học lý này trong tương lai theo quan điểm Công Giáo, bình an và tin cậy vào sự hướng dẫn của Giáo Hội qua đức giáo hoàng trong các vấn đề đức tin và luân lý sau cùng phải thống trị tâm trí tín hữu Công Giáo, bất kể ý kiến cá nhân hiện nay có khác nhau một cách hợp pháp đến bao nhiêu.

Dưới cái nhìn tổng quát của Kitô giáo liên quan đến học lý này và các học lý khác hiện đang phân rẽ chúng ta, ta hãy duy trì đức tin vào việc ứng nghiệm cuối cùng lời Chúa Giêsu Kitô cầu nguyện cho sự hiệp nhất Kitô giáo ở buổi Tiệc Ly rằng: “...Xin cho chúng nên một, như Cha, Cha ở trong Con, và Con ở trong Cha, để chúng cũng ở trong chúng ta, ngõ hầu thế gian tin Cha đã sai con” (Ga 17:21). Bên cạnh các bước tiến hay các bước lùi có tính lịch sử hiện nay, các Kitô hữu nên tin vào sự hiệp nhất một lòng giữa họ với nhau, một sự hiệp nhất sẽ đâm bông thành sự hiệp nhất trí khôn, chân lý, và niềm tin dựa vào một Chúa Giêsu Kitô duy nhất, Đấng là “Đường, là Sự Thật và là Sự Sống” (Ga 14:6)

Chú Thích

1. Mother Teresa of Calcutta, Personal Interview, Calcutta, August 14th 1993
2. John Paul II, Papal Address, Jan. 31, 1985, Guayaquil, Ecuador, (O.R., March 13, 1985).
3. St. Irenaeus of Lyons, *Adversus haeresus*, III, 22, emphasis author's.
4. St. Jerome. *Epist.* 22, 21.
5. Modestus of Jerusalem, *Migne PG* 86; 3287.
6. St. John Damascene, *PG* 86; 658.
7. St. Bernard of Clairvaux, *Ser.* III, *super Salve*.
8. St. Bonaventure, *de don.* Sp. 6; 14., emphasis author's.

9. Cf. Calkins, "Pope John Paul II's Teaching on Marian Coredemption" as found in Miravalle, ed., *Mary Co-redemptrix, Mediatrix, Advocate, Theological Foundations II*, p.113.
10. Cf. John Paul II, *Ut Unum Sint*, 21, 28.
11. Second Vatican Council, *Unitatis Redintegratio*, n. 11.
12. John Paul II, *Ut Unum Sint*, n. 36.
13. John Paul II, *Ut Unum Sint*, 18.
14. Second Vatican Council, *Lumen Gentium*, n. 56.
15. *Lumen Gentium*, n. 58.
16. *Lumen Gentium*, n. 61.
17. John Paul II, *Ut Unum Sint*, 18.
18. John Cardinal O'Connor, Endorsement Letter For Papal Definition of Mary, Co-redemptrix, Mediatrix, Advocate, February 14, 1994.
19. Martin Luther, Commentary on the Magnificat, 1521, as quoted in Dr. Charles Dickson, *A Protestant Pastor Looks at Mary*, 1996, Our Sunday Visitor Press, p.41,42.
20. Ibid.
21. Dickson, *A Protestant Pastor Looks at Mary*, p. 48-49.
22. John Paul II, *Redemptoris Mater*, 21, 39.
23. John Paul II, Papal Address, Rome, October 1, 1997, *L'Osservatore Romano*, 1997, 41.
24. J. Macquarrie, "Mary Co-redemptrix and Disputes over Justification and Grace" in *Mary Co-redemptrix, Mediatrix, Advocate, Theological Foundations II*, p.246. Copyright © 2001 Queenship Publishing - All Rights Reserved.
25. St. Irenaeus of Lyons, *Adversus haeresus*, III, 22, emphasis author's.
26. Modestus of Jerusalem, Migne PG 86; 3287.
27. St. John Damascene, PG 86; 658.
28. St. Bernard of Clairvaux, *Ser. III, super Salve*.
29. St. Bonaventure, *de don. Sp.* 6; 14., emphasis author's.
30. St. Bonaventure, *Sermo III de Assumptione, Opera Omnia*, v.9.
31. St. Bonaventure, *Sent. III*.
32. St. Bonaventure, *Collatio de donis Spiritus Sancti* 6, n.16
33. St. Albert the Great (or Pseudo-Albert) *Mariale*, Q. 150.
34. John Tauler, *Sermo pro festo Purificationis Beatae Mariae Virginis*.
35. *Oratione, St. Peter's in Salzburg*, in *Analecta hymnica medii aevi*, v. 46, p. 126.
36. For a more comprehensive treatment of Co-redemptrix throughout Christian Tradition, cf. J.B. Carol, *De Corredemptione Beatae Virginis Mariae*, *Typis Polyglottis Vaticanis*, 1950, p. 125.; G. Roschini, O.S.M., *Maria Santissima Nella Storia Della Salvezza*, 1969, v. II, p.171.
37. Fr. Fredrick Faber, *At the Foot of the Cross (Sorrows of Mary)*, Reilly Co, 370.
38. Pope Leo XIII, *Parta huinano generi*.
39. Pope Benedict XV, *Inter Sodalicia*, 1918.
40. Pope Pius XI, *Allocution to Pilgrims of Vicenza*, Nov. 30, 1933.
41. Second Vatican Council, *Lumen Gentium*, n. 58.
42. John Paul II. *Papal Address at Guayaquil*, January 31, 1985. (ORE, 876).
43. John Paul II, *General Audience*, April 9, 1997.
44. John Paul II, *General Audience*, March 21, 2001.
45. For example, cf. Pius XI, *Papal Allocution at Vicenza*, Nov. 30, 1933.
46. John Paul II, *General Audience*, April 9,1997.
47. Galot, S.J., "Maria Corredentrice" in *L'Osservatore Romano*, September 15, 1997, *Daily Italian Ed.*
48. Cf. Second Vatican Council, *Dei Verbum*, II, nn. 9-10.

49. Cf. Second Vatican Council, *Lumen Gentium*, n. 25.
50. Second Vatican Council, *Lumen Gentium*, n. 56.
51. *Lumen Gentium*, n. 58.
52. *Lumen Gentium*, n. 61.
53. Jean Galot, S.J., "Maria Corredentrice. Controversie e problemi dottrinali", *Civiltà Cattolica*, 1994, III, 213-225.
54. "Maria Corredentrice", *L'Osservatore Romano*, September 15, 1995, p. 4, author's emphasis.
55. For a more comprehensive treatment, cf. Schug and Miravalle, "Mary Co-redemptrix in the Documents of the Papal Magisterium" in *Mary Co-redemptrix, Mediatrix, Advocate, Theological Foundations I, Queenship Pub.* 1995; Calkins, "Pope John Paul's Teaching on Marian Co-redemption" in *Mary Co-redemptrix, Mediatrix, Advocate, Theological Foundations II*, pp.113-148.
56. Pope Leo XIII, Encyclical *Jucunda Semper*, 1884
57. Pope St. Pius X, Encyclical *Ad diem illum*, 1904..
58. Pope Benedict XV, Apostolic Letter, *Inter Sodalicia*, 1918.
59. Pope Pius XI, Prayer of the Solemn Closing of the Redemption Jubilee, April 28, 1933.
60. Pope Pius XII, Encyclical *Mystici Corporis*, 1943.
61. Pope John Paul II, Apostolic Letter, *Salvifici Doloris*, n.25.
62. John Paul II, Papal Address at Guayaquil, Ecuador, Jan. 31, 1985.
63. Cf. For five citations and commentary, cf. Calkins, "Pope John Paul II's Teaching on Marian Co-redemption", *Mary Co-redemptrix, Mediatrix, Advocate, Theological Foundations II, Queenship*, 1997.
64. Again, cf. *Lumen Gentium*, n. 25.
65. Bl. Pope Pius IX, Dogmatic Bull, *Ineffabilis Deus*, December 8, 1854.
66. For an extended treatment, cf. J. B. Carol, "Our Lady's Co-redemption," in *Mariology, Vol. II*, Bruce, 1958; Friethoff, *A Complete Mariology*, Blackfriars Pub., London, 1985, p.182; Galot, S.J., "Maria: Mediatrix o Madre Universale?", *Civiltà Cattolica*, 1996, I, 232-244.
67. Galot, S.J., "Maria Corredentrice: Controversie e problemi dottrinali," *Civiltà Cattolica*, 1994, III, p. 218.
68. Cf. Friethoff, op. cit.
69. Cf. J.B. Carol, op. cit.
70. Karol Cardinal Wojtyla, Homily on the Feast of the Immaculate Conception, December 8, 1973.
71. Bl. Pius IX, *Ineffabilis Deus*, December 8, 1854, DS 2802.
72. John Cardinal O'Connor, Endorsement Letter For Papal Definition of Mary, Co-redemptrix, *Mediatrix, Advocate*, February 14, 1994.
73. *Alma Socia Christi*, Proceedings of the Rome International Mariological Congress, 1950. p. 234.
74. Dr. Josef Seifert is Rector of the International Academy of Philosophy in Liechtenstein and member of the Pontifical Council For Life.
75. Seifert, "Mary as Co-redemptrix and Mediatrix of all Graces - Philosophical and Personalist Foundations of a Marian Doctrine", in *Mary Co-redemptrix, Mediatrix, Advocate, Theological Foundations II*, p. 166.
76. Seifert, op. cit., p.168.
77. *Ibid.*
78. J. Macquarrie, "Mary Co-redemptrix and Disputes over Justification and Grace" in *Mary Co-redemptrix, Mediatrix, Advocate, Theological Foundations II*, p. 248, 255.
79. John Paul II, 1995 Encyclical, *Evangelium Vitae*, n. 15
80. Again cf. *Lumen Gentium*, n. 25.
81. For a more comprehensive treatment of modern hagiography on Marian co-redemption, cf. Stefano Manelli, FFI, "Twentieth Century Hagiography on Marian Co-redemption" in *Mary at the Foot of the Cross, Acts of the England Symposium on Marian Co-redemption*, 1999.
82. Mother Teresa of Calcutta, Endorsement Letter for the Fifth Marian Dogma, August 14, 1993.
83. For a sample of such thought, cf. In Miravalle, ed., *Contemporary Insights on a Fifth Marian Dogma, Theological Foundations III, Queenship*, 2000, the following essays: Ambassador Howard Dee, "Our Lady's Ambassador, John Paul II, Fatima, and the Fifth Marian Dogma"; Dr. Bartholomew, "A Scientist Explores Mary, Co-redemptrix"; Calkins, "The Messages of the Lady of All Nations".
84. *Memoirs of Sr. Lucia of Fatima*, July 13, 1917.
85. Ambassador Howard Dee, "Our Lady's Ambassador, John Paul II, Fatima, and the Fifth Marian Dogma," in *Contemporary Insights on a Fifth Marian*

Dogma, Queenship, 2000, p. 12-13.

86. For an extended treatment, cf. Miravalle, *The Dogma and the Triumph*, Queenship, 1998.